**BỘ TƯ PHÁP**

**NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH CHUYÊN ĐỀ**

**“Pháp luật về quyền dân sự, chính trị”**

**Tháng 12, năm 2016**

**CHƯƠNG TRÌNH SỐ 01**

**\*\*\***

**Nhạc hiệu**

**[Lời dẫn]:**

Mời quý khán thính giả nghe chương trình truyền thanh phổ biến, giáo dục pháp luật.

Trong chương trình hôm nay, chúng tôi xin chuyển tới quý vị những nội dung chính sau đây:

- Một số quy định cơ bản về quyền sống

- Câu chuyện/tiểu phẩm pháp luật.

**Nhạc cắt**

**[Giới thiệu một số quy định cơ bản về quyền sống]**

**[Lời dẫn]:**

Thưa quý khán thính giả !

Một trong những quyền tự nhiên thiêng liêng nhất của con người là quyền được sống trong an toàn, hòa bình. Theo khoản 2 Điều 6 Công ước quốc tế về các quyền dân sự chính trị thì mọi người đều có quyền cố hữu là được sống. Quyền này phải được pháp luật bảo vệ. Không ai có thể bị tước đoạt mạng sống một cách tùy tiện.

Ở Việt Nam, ngay sau khi cách mạng tháng Tám thành công, trong tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*.”

Quyền được sống là quyền tất yếu, vốn có của quyền con người, là một trong những vấn đề quan trọng bậc nhất và được quy định trong nhiều văn bản pháp luật của Việt Nam dưới những góc độ khác nhau.

*Quy định pháp luật liên quan đến quyền sống dưới góc độ là quyền được bảo vệ toàn vẹn về tính mạng.*

a. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo vệ về tính mạng

Tại Điều 20 Hiến pháp năm 2013 quy định mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm.

Điều 33 Bộ luật dân sự năm 2015 cũng nêu rõ cá nhân có quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, thân thể, quyền được pháp luật bảo hộ về sức khỏe. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật.

b. Quy định về các tội xâm phạm tính mạng của người khác

Hành vi xâm phạm đến tính mạng - quyền sống của người khác được coi là một trong những hành vi phạm tội nghiêm trọng nhất và bị pháp luật nghiêm trị. Điều này được thể hiện qua việc Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người tại Chương XIV, ngay sau Chương quy định về các tội xâm phạm an ninh quốc gia; trong đó quy định 11 tội danh liên quan đến hành vi trực tiếp hay gián tiếp, vô tình hay cố ý tước đoạt sinh mạng của người khác một cách bất hợp pháp như: Tội giết người (Điều 123); Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125)...

c. Quy định hạn chế sử dụng và giới hạn áp dụng hình phạt tử hình

Giống như một số quốc gia khác trên thế giới, pháp luật Việt Nam hiện vẫn duy trì hình phạt tử hình, xuất phát từ yêu cầu khách quan về phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, Nhà nước ta đã và đang chủ trương thu hẹp dần phạm vi áp dụng hình phạt tử hình. Điều này được thể hiện rõ ở chỗ số điều luật có khung hình phạt tử hình trong Bộ luật hình sự 2015 đã giảm đi đáng kể so với Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bên cạnh đó, pháp luật hình sự cũng quy định chặt chẽ về những giới hạn và bảo đảm về thủ tục tố tụng khi áp dụng hình phạt tử hình như không áp dụng hình phạt tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội, đối với phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi khi phạm tội hoặc khi bị xét xử…

*Quy định pháp luật trong việc bảo đảm các điều kiện tồn tại của con người*

Về khía cạnh này, pháp luật Việt Nam đã xác lập các chế định pháp luật khá toàn diện và ngày càng được hoàn thiện. Các đạo luật như Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật người cao tuổi, Luật người khuyết tật, Luật bình đẳng giới, Luật phòng, chống bạo lực gia đình… là những điển hình về nỗ lực của Việt Nam trong vấn đề này.

Không chỉ dừng lại ở những quy định pháp luật, bằng những hoạt động cụ thể Việt Nam được quốc tế ghi nhận là một trong những quốc gia đi đầu trong xóa đói giảm nghèo. Đây là ưu tiên hàng đầu của Việt Nam trong việc thúc đẩy quyền con người nói chung, quyền dân sự, chính trị nói riêng, quyền được sống cuộc sống bình thường của mỗi con người nói riêng phù hợp với hoàn cảnh đất nước và các Mục tiêu thiên niên kỷ của Liên hợp quốc. Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm đến nhóm các đối tượng dễ bị tổn thương như phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật… Với mỗi nhóm đối tượng, Nhà nước Việt Nam đều có các cơ chế, chính sách ưu tiên cụ thể nhằm bảo vệ, hỗ trợ, tạo cơ hội cho từng nhóm phát triển và hòa nhập với đời sống xã hội.

**Nhạc...**

**[ Câu chuyện pháp luật/ tiểu phẩm]**

**[Lời dẫn]:** Tiếp theo chương trình, mời khán thính giả cùng nghe câu chuyện pháp luật “**NHÀ NƯỚC CŨNG PHẢI XIN LỖI, BỒI THƯỜNG**”

**Nhạc...**

**Tiểu phẩm: “Nhà nước cũng phải xin lỗi, bồi thường”**

Cả nhà anh Ninh, chị Kim và cháu Thảnh ngồi trong một chiếc xe ô tô cũ chạy trên đường về làng. Anh Hoàn nắm tay vợ, mắt rưng rưng, nghẹn ngào:

Hoàn: Tính đến hôm nay là vừa tròn ba năm, ba tháng và năm ngày. Mà người ta vẫn nói là một ngày tù bằng nghìn thu ở ngoài, vậy là anh đã phải xa gia đình mấy nghìn thu rồi em nhỉ.

Kim: Nhưng cuối cùng mình cũng được minh oan. Không gì nhục bằng cái tiếng cướp của giết người anh ạ. Mình có nghèo, có đói thì cũng không bao giờ làm cái việc thất đức đó – Chị Kim an ủi chồng.

Mừng mừng, tủi tủi nên mới chỉ vài câu chuyện chiếc xe đã về đến cổng làng. Bước chân vào đến cửa nhà, anh Ninh vẫn cứ cảm thấy hư hư thật thật.

Vừa ngồi xuống ghế, anh Ninh đã nhận ra giọng chị Lương – hàng xóm, và các anh chị em trong xóm đến chơi.

Chị Lương: Nghe tin chú về, chị em chúng tôi sang hỏi thăm, mừng cho vợ chồng cô chú.

Anh Ninh: Chào các bác, mời các bác vào nhà uống nước.

(tiếng xì xào: nom chú ấy ngồi tù hơn năm mà đen, gầy và già đi nhiều quá, thật thương cho chú ấy, tự dưng tai bay vạ gió ập đến…)

- Chị Lương: Ninh à! thật cái họa vô đơn chí. Bỗng dưng không duyên cớ gì lại phải vào tù vì bị khép oan vào tội giết người cướp của. May mà hung thủ thực sự đã tự ra đầu thú chứ không thì… – Ninh nhìn chị Lương phân trần rồi lại qua sang phía vợ nói:

Ninh: Về được là mừng rồi ạ. Em chỉ lo cho vợ con em ở nhà vất vả.

Chị Lương: Theo tôi thì không chỉ nhà ông Duy đã vu khống cho cậu mà cả tòa án cũng kết án vội vàng làm cho cậu bỗng dưng phải ngồi tù.

Ninh: Vâng! Tại cơ quan điều tra, em liên tục kêu oan và khai trước khi vụ án xảy ra, em có đến chơi và giúp anh Thanh kê lại tủ nên vô tình lưu lại dấu vân tay. Còn số vàng trong tủ là tiền mẹ vợ bán đất nhờ giữ giùm nhưng không ai tin. Nhiều lúc túng quẫn, tủi nhục em đã định kết liễu đời mình nhưng nghĩ đến nhà em, đến thằng Thảnh em lại tự nhủ phải cố gắng sống và kêu oan cho bằng được.

Kim: Cũng may là sự thật được tìm ra chứ không thì không biết mình mang tiếng oan đến bao giờ. Chỉ khổ cho thằng Thảnh, đi học bị bạn bè xa lánh - Vẻ mặt buồn khổ.

Chị Lương (thở dài): Ừ chỉ vì một câu kết luận của mấy ông Tòa gì đấy mà kéo theo bao hệ lụy, ảnh hưởng đến mấy đời nhà người ta nữa chứ.

Tiếng lao xao: Nhưng nói gì thì nói, dứt khoát phải đòi bồi thường mới được. Bỏ tù oan người ta hơn 3 năm trời chứ ít gì? Nhà cửa cũng không còn... Cái khổ tủi, nhục nhã này ai chịu cho đây?

Chị Lương (giọng giận dữ): Mà cái nhà ông Duy chỉ lo đổ oan cho người tốt, hung thủ thực sự ngay ở nhà mình mà cũng không biết. Ông ấy phải trả cho cậu 5 lượng vàng hai năm trước cậu đền cho ông ấy chứ nhỉ? Còn phải xin lỗi vì đã đổ oan cho cậu nữa.

Ninh: Không chỉ gia đình ông ấy phải xin lỗi, cả những người xử sai cũng phải xin lỗi em. Em nhất định đòi công bằng về cho em và vợ con em nữa.

Ngoài sân có tiếng xôn xao: em chào bác chủ tịch xã.

Kim: Mời bác vào chơi.

Ông Hà: Nghe tin anh Ninh được tha, tôi tìm đến ngay.

Ninh rót chén nước mời bác Hà:

Ninh: Cháu mời bác uống nước vui cho cháu về đoàn tụ gia đình.

Ông Hà: Vâng, xin anh.

Cầm chén trà lên nhấp một ngụm ông Hà nói tiếp:

Ông Hà: Thế này anh Ninh ạ. Trước hết chúc mừng anh đã giải được nỗi oan. Nhà nước ta rất nghiêm minh, có tội phải chịu, bị hại phải được đền bù. Về việc anh phải chịu tù oan, nhà nước cũng có quy định. Hiến pháp năm 2013 ghi nhận quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự là một trong những quyền cơ bản của công dân. Theo khoản 3 Điều 26 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, anh có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại cho mình. Trách nhiệm bồi thường thuộc về Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm, tức Tòa án nhân dân thành phố theo điểm a khoản 2 Điều 32.

Chị Kim sốt sắng: Thế nhà của chúng cháu năm ngoái bị phát mại để bồi thường cho nhà ông Duy liệu có lấy lại được không bác?

Ông Hà: Nhà của anh chị bị phát mại sẽ được bồi thường căn cứ vào giá thị trường của nhà cùng loại tại thời điểm giải quyết bồi thường.

Anh Ninh đi tù oan hơn 3 năm, theo Điều 46 nếu anh có hợp đồng lao động với công ty anh đang làm trước khi bị bắt, có thu nhập thường xuyên, ổn định thì căn cứ vào mức tiền công theo hợp đồng và thời hạn hợp đồng để tính thiệt hại được bồi thường.

Ngoài ra theo Khoản 2 Điều 47 anh Hoàn còn được bồi thường về tinh thần tính bằng 3 ngày lương cơ bản x 1 ngày anh bị tam giam, chấp hành hình phạt tù x tổng số ngày bị tạm giam, bị phạt tù.

Anh Ninh (giọng lo lắng): Thế cơ à bác? Liệu cháu có được bồi thường hết bằng đấy không?

Ông Hà mỉm cười trấn an: Tất nhiên rồi. Chúng ta cứ chiểu theo luật thôi. Đó là quyền lợi của anh.

Ninh: Còn nữa, bác ơi! cháu vốn là một người trong sạch, lương thiện thì pháp luật có trách nhiệm phải trả lại nếu như đã kết tội sai. Những người oan sai như cháu không trông chờ vào những khoản tiền bồi thường mà chờ lời xin lỗi của đại diện cơ quan chức năng. Cháu bị bắt công khai thì cũng phải được xin lỗi công khai.

Ông Hà: Tôi hiểu nỗi tủi nhục của gia đình chú bao ngày qua. Pháp luật cũng đã quy định rất rõ việc này: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản về việc khôi phục danh dự của người bị thiệt hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ, cơ quan có trách nhiệm bồi thường đã thụ lý vụ việc phải thực hiện việc xin lỗi, cải chính công khai.

Việc xin lỗi, cải chính công khai được thực hiện bằng các hình thức sau đây:

a) Trực tiếp xin lỗi, cải chính công khai tại nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người bị thiệt hại có sự tham dự của đại diện chính quyền địa phương nơi người bị thiệt hại cư trú, đại diện của cơ quan nơi người bị thiệt hại làm việc, đại diện của một tổ chức chính trị - xã hội mà người bị thiệt hại là thành viên;

b) Đăng trên một tờ báo trung ương và một tờ báo địa phương trong ba số liên tiếp theo yêu cầu của người bị thiệt hại hoặc đại diện hợp pháp của họ.

Lao xao: ờ, pháp luật quy định đúng quá, làm sai thì phải xin lỗi chứ.

Ông Hà: Nhân đây tôi cũng nói với anh Ninh và bà con rằng: pháp luật luôn đúng, chỉ có điều những người thực hiện thì phải nghiêm túc, xem xét kĩ lưỡng mọi vấn đề. Chuyện anh Ninh bị bắt oan cũng chỉ bởi những sai sót không đáng có trong quá trình điều tra chứ không phải vì một động cơ nào đó. Những người làm trong cơ quan chính quyền, họ cũng muốn làm đúng, tránh việc bỏ lọt tội phạm.

Chị Lương: Nhưng với những người dân thì tất cả mọi người đều cần sự lắng nghe của đại diện các cơ quan chức năng. Chỉ cần những người thực thi công vụ nhìn nhận sự việc trên nhiều góc độ thì sẽ chẳng bao giờ xảy ra oan sai cả.

Lao xao: Đúng! Đúng đấy!

Vợ chồng anh Ninh bắt tay ông Hà giọng cảm động: Chúng cháu cám ơn bác nhiều lắm. Không có bác chắc chúng cháu không bao giờ có thể hiểu hết những điều này…

Ông Hà: Vụ oan sai hãy cứ coi như một vận hạn mà cuộc đời của mình phải nếm trải trước khi tìm thấy sự bình yên. Sự giả dối cũng như chiếc kim trong bọc, thế nào rồi cũng có ngày lòi ra. Thôi yên tâm mà làm ăn nhá. Ông Hà vừa nói vừa bước ra sân về nhà.

**Nhạc…**

**[Lời dẫn]:** Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật hôm nay xin dừng ở đây. Xin cảm ơn quý khán thính giả đã quan tâm theo dõi./.

**CHƯƠNG TRÌNH SỐ 02**

**\*\*\***

**Nhạc hiệu**

**[Lời dẫn]:**

Mời quý khán thính giả nghe chương trình truyền thanh phổ biến, giáo dục pháp luật.

Trong chương trình hôm nay, chúng tôi xin chuyển tới quý vị những nội dung chính sau đây:

- Một số quy định về quyền được bảo đảm an toàn về sức khỏe; được bảo vệ danh dự; nhân phẩm, uy tín

- Câu chuyện/tiểu phẩm pháp luật.

**Nhạc cắt**

**[Giới thiệu một số quy định về quyền được bảo đảm an toàn về sức khỏe; được bảo vệ danh dự; nhân phẩm, uy tín]**

**[Lời dẫn]:**

Thưa quý khán thính giả !

Cùng với mạng sống, sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi con người. Sức khỏe có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi con người, mỗi gia đình nói riêng mà còn đối với toàn xã hội, đất nước nói chung. Mỗi công dân khỏe mạnh, phát triển tốt thì quốc gia mới vững mạnh, do đó, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ sức khỏe nhân dân là nhiệm vụ luôn được Đảng và Nhà nước Việt Nam quan tâm. Ghi nhận của Hiến pháp 2013 được tái khẳng định ở Điều 33 Bộ luật Dân sự 2015, trong đó nêu rằng: cá nhân có quyền được pháp luật bảo hộ về sức khỏe. Việc gây mê, mổ, cắt bỏ, cấy ghép mô, bộ phận cơ thể người; thực hiện kỹ thuật, phương pháp khám, chữa bệnh mới trên cơ thể người; thử nghiệm y học, dược học, khoa học hay bất cứ hình thức thử nghiệm nào khác trên cơ thể người phải được sự đồng ý của người đó và phải được tổ chức có thẩm quyền thực hiện.

Trường hợp người được thử nghiệm là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc là bệnh nhân bất tỉnh thì phải được cha, mẹ, vợ, chồng, con thành niên hoặc người giám hộ của người đó đồng ý; trường hợp có nguy cơ đe dọa đến tính mạng của bệnh nhân mà không chờ được ý kiến của những người nêu trên thì phải có quyết định của người có thẩm quyền của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Ngoài việc ghi nhận trong Bộ luật Dân sự 2015 về quyền được bảo đảm về sức khỏe của mỗi cá nhân dưới góc độ quyền nhân thân, để bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho nhân dân, Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, cũng như xây dựng một hành lang pháp lý thuận lợi cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, chăm lo sức khỏe của nhân dân như ban hành Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân năm 1989; Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009.

- Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân là những yếu tố quan trọng mang tính nhân quyền cao. Khoản 1 Điều 34 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ”.

Danh dự của cá nhân thể hiện sự coi trọng của dư luận xã hội đối với cá nhân đó, dựa trên những giá trị tinh thần, đạo đức tốt đẹp. Nhân phẩm của cá nhân là những phẩm chất và giá trị con người của cá nhân đó. Uy tín cá nhân thể hiện ở sự tín nhiệm và mến phục của cộng đồng hoặc một bộ phận dân cư đối với cá nhân đó. Cả ba yếu tố trên tuy có tính chất độc lập tương đối, nhưng tựu chung đều thể hiện những giá trị tinh thần của cá nhân được đánh giá thông qua các mối quan hệ xã hội. Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, xét theo góc độ pháp luật dân sự cũng đồng thời là đối tượng của quyền nhân thân của cá nhân. Vì vậy, mỗi cá nhân đều có quyền bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín của mình đồng thời có nghĩa vụ phải tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác. Điểm đặc biệt của quyền nhân thân về danh dự, nhân phẩm, uy tín so với các quyền nhân thân khác ở chỗ quyền này được tôn trọng và bảo vệ một cách tuyệt đối. Đối với danh dự, nhân phẩm của cá nhân thì dù bất kỳ trường hợp nào pháp luật cũng không cho phép bất kỳ cá nhân, tổ chức nào xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của cá nhân khác, dù người đó là công dân bình thường hay người đang bị kết án tù. Vì vậy, không ai có thể viện bất cứ lý do nào để bào chữa cho hành vi xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác, kể cả việc làm nhục người phạm tội.

- Cũng như những quy định pháp luật trong các lĩnh vực khác, pháp luật hình sự Việt Nam đã thể hiện rõ được tư tưởng bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người được ghi nhận tại Điều 7 của ICCPR.

Bộ luật Hình sự 2015 quy định 23 tội danh liên quan đến hành vi trực tiếp hay gián tiếp, vô tình hay cố ý xâm phạm sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác một cách bất hợp pháp. Cụ thể:

+ Có 09 tội danh xâm phạm sức khỏe, bao gồm: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác (Điều 134); Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 135); Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (Điều 136); Tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác trong khi thi hành công vụ (Điều 137); Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 138); Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (Điều 139); Tội hành hạ người khác (Điều 140); Tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 148); Tội cố ý truyền HIV cho người khác (Điều 149).

+ Có 07 tội xâm phạm tình dục của người khác, đặc biệt là trẻ em, bao gồm: Tội hiếp dâm (Điều 141); Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142); Tội cưỡng dâm (Điều 143); Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến d (Điều 114); Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145); Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 147).

+ Có 07 tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người, bao gồm: Tội mua bán người (Điều 150); Tội làm nhục người khác (Điều 155); Tội vu khống (Điều 156)…

Cũng như các tội xâm phạm tính mạng, hình phạt đối với các tội xâm phạm sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người cũng rất nghiêm khắc. Trong 23 tội nêu trên, thì có 9 tội đặc biệt nghiêm trọng có mức cao nhất của khung hình phạt là trên 15 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình (01 tội có mức hình phạt cao nhất là tử hình: Điều 142; 05 tội có mức hình phạt cao nhất là tù chung thân: Điều 134, Điều 144, Điều 149, Điều 151, Điều 141).

Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 khẳng định tại Điều 7: công dân có quyền được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm. Mọi hành vi xâm phạm sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm đều bị xử lý theo pháp luật. Cũng theo Điều này, người bị hại, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác cũng như người thân thích của họ mà bị đe dọa đến sức khỏe, bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm, tài sản thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng những biện pháp cần thiết để bảo vệ theo quy định của pháp luật.

**Nhạc...**

**[ Câu chuyện pháp luật/ tiểu phẩm]**

**[Lời dẫn]:** Tiếp theo chương trình, mời khán thính giả cùng nghe câu chuyện pháp luật/tiểu phẩm “**ĐỪNG QUÁ TIN KẺ LẠ**”

**Nhạc...**

**Tiểu phẩm/câu chuyện pháp luật “ĐỪNG QUÁ TIN KẺ LẠ”**

***(Anh Minh – Trưởng công an xã đang giở tờ báo ra xem. Ông bà Mềnh dẫn cô Lý tới)***

Ông MỀNH: Chào cán bộ Minh

Anh MINH: Chào các bác, các bác vào đây ạ!.

Bà MỀNH: Anh Minh à! Cô gái này bị bọn xấu lừa bán sang Trung Quốc muốn nhờ anh giúp đỡ.

MINH: Mời các bác và cô ngồi đi ***(rót nước)***. Nào đầu đuôi thế nào, cô hãy kể lại cụ thể, tôi nghe cô đây.

Lý: Thưa anh. Em tên là Lý, quê em ở một xã miền núi, gia đình em nghèo, lại đông anh em nên em phải nghỉ học đi làm thuê để đỡ đần cho cha mẹ. Tuy tiền công rất thấp nhưng phần nào cũng giúp cho cha mẹ em đỡ khó khăn.

Minh: Cô làm việc gì, làm ở đâu?

Lý: Em rửa bát thuê cho một hàng cơm ở thị xã. Có một bà khách cứ dăm bữa, nửa tháng lại đến quán ăn cơm và làm quen với em và tự xưng là bà Tẩu ở Lạng Sơn đến đây buôn hoa quả.

Bà thường ăn suất cơm 15 ngàn nhưng cứ đưa cho em 20 ngàn và nói là chỗ tiền lẻ cho em… em nghĩ rằng bà này tốt quá… nào ngờ ***(nghẹn ngào, nước mắt lưng tròng)***

Minh ***( đưa chén nước)*** Cô cứ bình tình, uống nước đã rồi từ từ kể tiếp.

Bà Mềnh: Uống nước đi cháu

LÝ: Vâng ạ ***( uống chén nước)***

MINH: Rồi sao nữa cô Lý?

LÝ: Rồi vào một buổi chiều cách đây 4 năm bà Tẩu lại đến ăn cơm. Ăn xong bà gọi em ra một góc và hỏi có muốn đi làm với mức lương 2 triệu đồng một tháng không. Em hỏi làm việc gì, ở đâu? Bà Tẩu bảo chỉ ngồi đóng gói hoa quả cho vào thùng, ở ngay Lạng Sơn thôi. Em bảo xa quá, bà lại nói mỗi tháng được nghỉ 3 ngày về thăm nhà, ăn ở tại chỗ không mất tiền. Em nghĩ không mất tiền ăn, tiền ở, mỗi tháng lại được 2 triệu, còn làm ở đây được nuôi cơm mỗi tháng được có 300 ngàn đồng, chỉ thuận lợi là tối nào cũng được về nhà, hình như hiểu được điều em đang suy nghĩ, bà Tẩu nói luôn, cô cứ làm ở đây thì đến bao giờ mới có được ít vốn để đi lấy chồng, làm ở đằng kia mỗi tháng được về nhà 3 ngày chi tiêu hết độ 200, đưa cho bố mẹ 800. cô còn để ra được 1 triệu, một năm cô có 12 triệu, chỉ đi làm 2 năm thôi là cô có 24 triệu về nhà mở cái hàng gì đó kiếm sống thế không tốt à.

Ô. MỀNH: Con mụ ấy cáo già thật

LÝ: Vâng! Bà ta vẽ ra một viễn cảnh như thế làm cháu hoa cả mắt, ù cả tai vì sung sướng… thế là cháu theo bà ta đi luôn tối hôm đó.

MINH: Đến thẳng Lạng Sơn à

LÝ: Vâng! Lên ôtô đến thẳng Lạng Sơn thì có xe ôm đón em và bà ta đi mấy chục cây số nữa xa lắm, em không biết đấy là đâu cả, khi đến một ngôi nhà tối tăm ẩm thấp ở trong rừng thì có một nam, một nữ ra đón, họ nói tiếng gì đó em không hiểu. Sau đó họ cho bọn em ăn cơm. Cơm nước xong, đôi mắt em cứ díp lại không sao mở được ra và em ngủ li bì.

Khi tỉnh dậy, em thấy mình ở trong một căn buồng đầy đủ tiện nghi như ở khách sạn, lát sau, có một người đàn ông vào phòng, bắt em phải ngủ với ông ta. Em sợ quá, mở cửa phòng chạy ra thì bị bọn nhân viên ở đấy giữ chặt em lại. Sau đó có một mụ già, mặt trát đầy phấn son, nói tiếng Việt lơ lớ bảo rằng: Đây là vùng đất của Trung Quốc, họ đã phải mua em với giá 3.000 tệ. Vì thế em phải tiếp khách để trừ nợ, nếu không nghe, họ sẽ đánh chết em.

MINH: Rồi sao nữa cô Lý.

LÝ: Một tuần liền, em không chịu tiếp khách, thế là chúng đánh đập em rất dã man, không chịu nổi những trận đòn khắc nghiệt của chúng, em đành phải nhắm mắt đưa chân làm cái công việc xấu xa đó.

Ô. MỀNH: Sao cô không trốn đi

LÝ: Bác ơi! Chúng canh phòng rất nghiêm ngặt, không thể nào trốn được, hơn nữa cháu lại không biết tiếng Trung Quốc, không một xu dính túi thì biết làm sao được. Cháu đành nghĩ cách phải lấy lòng tin của chúng nó, rảnh rỗi lúc nào là cháu cố gắng học tiếng Trung Quốc và chỉ sau 3 tháng cháu đã nói được tiếng Trung Quốc và ngoan ngoãn nghe lệnh của chúng nó.

Bà MỀNH: Rồi sao nữa hả cháu?

LÝ: Rồi thật may cho cháu, cách đây 2 tháng, trong một lần tiếp khách, cháu gặp một ông rất tốt, cháu đã kể hết cảnh ngộ của cháu với ông ta, và rất mong muốn được trở về Việt Nam, sum họp với gia đình. Cảm thông cho hoàn cảnh của cháu, ông ấy đã tìm cách cho cháu trốn thoát khỏi cái nơi nhơ nhớp ấy, rồi đưa cháu đến sát biên giới và chỉ đường cho cháu đến bản này. Thật may mắn cho cháu đã gặp được các bác đây, cháu xin cảm ơn các bác.

Bà MỀNH: Kìa cháu, các bác không giúp những người như cháu thì còn giúp ai.

LÝ: Cháu rất muốn nhanh chóng được trở về với gia đình… nhưng bây giờ cháu không có tiền và cũng không có giấy tờ tùy thân, cháu chẳng biết làm thế nào cả. cháu khổ quá, nhục nhã quá. ***(Ôm mặt khóc tức tưởi)***

Ô MỀNH: Anh Minh, anh có cách gì giúp cô Lý không?

MINH: Có chứ bác, nhưng không phải cháu có cách đâu mà đây là chính sách của nhà nước ta đối với những nạn nhân bị buôn bán ra nước ngoài, nay trở về Việt Nam, bao gồm phụ nữ và trẻ em.

Bà MỀNH: Chính sách như thế nào hả anh?

MINH: Thưa bác! Những nạn nhân này khi trở về thì được tiếp nhận và sẽ nhận được sự hỗ trợ về nhiều mặt để có thể hòa nhập với cộng đồng: Từ quần áo, chăn màn, vật dụng cá nhân cần thiết, có chỗ ở tạm thời phù hợp, được tư vấn tâm lý, được chăm sóc sức khỏe đến trợ cấp khó khăn, hỗ trợ học nghề, cho vay vốn, giới thiệu việc làm. Nạn nhân bị buôn bán trở về nơi cư trú được xem xét cấp lại hộ khẩu, chứng minh nhân dân, thậm chí trẻ em là con của nạn nhân đi cùng mẹ, nếu chưa có giấy khai sinh thì được làm thủ tục khai sinh.

Bà MỀNH: Thế còn bọn lừa bán cô Lý nữa, chẳng lẽ cứ để chúng nhởn nhơ đi lừa gạt những người nhẹ dạ cả tin hay sao hả anh Minh?

MINH: Thưa bác, để có căn cứ xét xử bọn buôn người thì cô Lý hãy trình báo đúng sự thật để giúp cơ quan điều tra làm sáng tỏ hành vi của những kẻ đã lừa bán cô sang Trung Quốc. Nhất định bọn chúng sẽ bị trừng trị thích đáng.

Ô MỀNH: Anh Minh đã nói như vậy thì cháu hãy yên tâm, chính quyền và pháp luật sẽ bảo vệ cho cháu, cháu sẽ sớm được đoàn tụ với gia đình.

LÝ: Cháu cảm ơn các bác, em cảm ơn anh Minh đã giúp đỡ cho em, chỉ vì nhẹ dạ cả tin mà mắc bẫy lũ buôn người, mai đây cháu sẽ về kể lại bài học đau xót của cháu với các bạn trẻ, để các bạn ấy hãy tỉnh táo, đừng nhẹ dạ cả tin như cháu mà hỏng cả tương lai, hỏng cả cuộc đời.

MINH: Bây giờ tôi sẽ mời chị Đào, Phó công an xã, thu xếp cho cô một chỗ nghỉ ngơi cho khỏe. Sau đó cô sẽ kể lại chi tiết sự việc để chúng tôi lập hồ sơ và làm văn bản gửi cơ quan chức năng cấp trên, xác nhận cô là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về. Rồi cô sẽ sớm được về với gia đình.

LÝ: Ôi… Em cảm ơn anh… Em cảm ơn anh***…(vẻ mặt sung sướng rạng ngời)***

**Nhạc…**

**[Lời dẫn]:** Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật hôm nay xin dừng ở đây. Xin cảm ơn quý khán thính giả đã quan tâm theo dõi./.

**CHƯƠNG TRÌNH SỐ 03**

**\*\*\***

**Nhạc hiệu**

**[Lời dẫn]:**

Mời quý khán thính giả nghe chương trình truyền thanh phổ biến, giáo dục pháp luật.

Trong chương trình hôm nay, chúng tôi xin chuyển tới quý vị những nội dung chính sau đây:

- Một số quy định cơ bản về quyền được bảo vệ đời tư

- Câu chuyện/tiểu phẩm pháp luật.

**Nhạc cắt**

**[Giới thiệu một số quy định cơ bản về quyền được bảo vệ đời tư]**

**[Lời dẫn]:**

Thưa quý khán thính giả !

Quyền được bảo vệ về đời tư của công dân là một quyền Hiến định được quy định tại khoản 2, 3 Điều 73 Hiến pháp 2013. Theo đó, mọi người có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý, trừ trường hợp được pháp luật cho phép. Chỗ ở của một người là nơi người đó sống đời sống riêng thường ngày, cũng là nơi “ẩn chứa” những bí mật của cá nhân, của gia đình (bí mật đời tư). Vì vậy, mỗi cá nhân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, được toàn quyền cho phép hoặc không cho phép người khác vào nơi ở của mình. Tuy nhiên, quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân không phải là quyền tuyệt đối. Nhà nước chỉ bảo hộ quyền đó của công dân để chống lại sự xâm phạm bất hợp pháp của những cá nhân, tổ chức khác đối với chỗ ở của công dân; còn khi công dân lợi dụng quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở để che giấu hoặc có những hành động, hành vi vi phạm pháp luật thì quyền này không còn được pháp luật bảo vệ.

Thư tín, điện thoại, điện tín và những phương tiện liên lạc khác của cá nhân là những kênh thông tin rất quan trọng, trong đó chứa nhiều thông tin thuộc bí mật đời tư của cá nhân. Vì vậy, phù hợp với quy định tại Điều 17 của ICCPR, cụ thể hóa nguyên tắc này trong Hiến pháp:*“*Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác. Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luậtthư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác*”*, khoản 3 Điều 38 Bộ luật Dân sự khẳng định: “Thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật. Việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác chỉ được thực hiện trong trường hợp luật quy định.”.

Bí mật đời tư của cá nhân là một trong những đối tượng quyền nhân thân được pháp luật dân sự Việt Nam bảo vệ. Khoản 1 Điều 38 Bộ luật Dân sự quy định: “Đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ”. Pháp luật hiện hành của Việt Nam chưa quy định thế nào là bí mật đời tư hoặc liệt kê những vấn đề cụ thể nào được coi là bí mật đời tư. Theo tinh thần của Điều 38 Bộ luật Dân sự có thể khái quát: bí mật đời tư của một cá nhân là các thông tin, tài liệu về những điều thầm kín riêng tư của cá nhân mà người đó không muốn tiết lộ cho người khác biết. Điều luật này cũng quy định, việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác chỉ được thực hiện trong trường hợp luật quy định. Ngoài ra, trong một số trường hợp, pháp luật cho phép thu thập, công bố thông tin, tư liệu về đời tư của cá nhân nhưng với điều kiện là phải có quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (ví dụ: việc cơ quan ngiên cứu lịch sử, văn hóa được phép sưu tầm, cho công bố dưới dạng sách, báo, phim tài liệu, báo cáo khoa học... những thông tin, tư liệu về cuộc đời và sự nghiệp của một danh nhân nào đó, trong đó có thể có những tình tiết, sự kiện thuộc về bí mật đời tư của danh nhân đó). Tuy nhiên, khi công bố bí mật đời tư của cá nhân trong trường hợp này luôn luôn phải tuân thủ nguyên tắc tôn trọng, bảo vệ quyền dân sự, trong đó có quyền bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín.

Một trong những nhiệm vụ của Bộ luật Hình sự là nhằm bảo vệ “quyền và lợi ích hợp pháp của công dân”, vì vậy, các hành vi xâm phạm quyền và lợi ích của công dân trong đó có quyền được bảo vệ về đời tư đều bị pháp luật trừng trị. Bộ luật Hình sự quy định hai tội danh liên quan đến nhóm quyền này, đó là: tội xâm phạm chỗ ở của người khác (Điều 158) và tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác (Điều 159).

Một trong những nguyên tắc cơ bản của hoạt động tố tụng hình sự là phải đảm bảo quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.Điều 8 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân như sau: “Không ai được xâm phạm chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân”*.* Trong hoạt động tố tụng hình sự, để phục vụ cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, các cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền được phép tiến hành một số hoạt động có thể ảnh hưởng đến đời tư của công dân, tuy nhiên, Điều 8 cũng quy định đảm bảo rằng: “Việc khám xét chỗ ở, khám xét, tạm giữ và thu giữ thư tín, điện tín, khi tiến hành tố tụng phải theo đúng quy định của Bộ luật này.”

Theo Điều 140 Bộ luật Tố tụng hình sự, việc khám người, chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm chỉ được tiến hành khi có căn cứ để nhận định trong người, chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm của một người có công cụ, phương tiện phạm tội, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, tài liệu khác có liên quan đến vụ án. Việc khám chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm cũng được tiến hành khi cần phát hiện người đang bị truy nã. Trong trường hợp người có điện thoại, điện tín, thư tín (bao gồm cả người nhận và người gửi) đang liên quan đến vụ án hình sự, nếu thấy cần thiết phải thu thập tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án để phục vụ điều tra thì cơ quan điều tra có thể khám thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm.

Thẩm quyền ra lệnh khám xétbao gồm: Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp;Chánh án, Phó Chánh án Toà án nhân dân và Toà án quân sự các cấp;Thẩm phán giữ chức vụ Chánh toà, Phó Chánh toà Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử;Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp (trong trường hợp này, lệnh bắt phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành).

Bộ luật Tố tụng hình sự cũng quy định rõ trình tự, thủ tục về khám chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm (Điều 143) cũng như việc thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện (Điều 144, 147, 148, 149).

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 cũng quy định rất chặt chẽ thủ tục khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tại Điều 129 của Luật. Theo đó, khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính chỉ được tiến hành khi có căn cứ cho rằng ở nơi đó có cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Không được khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ban đêm, trừ trường hợp khẩn cấp hoặc việc khám đang được thực hiện mà chưa kết thúc nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản...

**Nhạc...**

**[ Câu chuyện pháp luật/ tiểu phẩm]**

**[Lời dẫn]:** Tiếp theo chương trình, mời khán thính giả cùng nghe câu chuyện pháp luật “**Hãy tôn trọng quyền riêng tư của con**”

**Nhạc...**

**Câu chuyện: Hãy tôn trọng quyền riêng tư của con**

Có con gái đang độ tuổi dở dở, ương ương nên chị An luôn trong tâm trạng lo lắng, tìm cách kiểm tra thông tin của con – bé Hoa qua hộp thư thoại, tin nhắn bất cứ lúc nào có cơ hội. Mặc dù biết kiểm tra như vậy là đang xâm phạm đời tư của con gái mình nhưng chị không thể không làm bởi chị rất lo con có bạn trai hay đua đòi bạn bè rồi bỏ bê chuyện học hành. Chồng chị An đã nhiều lần khuyên nhủ vợ nên tôn trọng quyền riêng tư, cũng như cần biết tin tưởng ở con mà không nên có những việc làm như vậy nhưng chị không nghe.

Một lần, lợi dụng lúc con đang tắm, điện thoại đang sạc pin trong phòng, chị An lén mở điện thoại của con để kiểm tra. Chị tá hỏa khi đọc được chuỗi tin nhắn từ một số máy có tên “chồng yêu” với điên thoại của con gái với nội dung không phù hợp với tuổi của con gái mình như: “Chồng à, vợ luôn ở bên cạnh chồng, cùng chồng sẻ chia, vượt qua mọi khó khăn của cuộc sống. Hãy vững tin ở vợ chồng nhé” hay “Thương và yêu chồng nhiều lắm…”.

Chị An đâu có biết rằng đây là cách xưng hô thân thiết giữa con gái chị với một bạn nữ khác cùng nhóm, chứ không phải với một bạn trai nào đó.

Chính vì vậy, vừa đọc xong tin nhắn, chị An mặt bừng bừng cầm điện thoại của con gái xông thẳng ra phòng khách gầm rú, chu chéo rít lên: “Hoa, Hoa đâu, mẹ nhịn đói, nhịn khổ để lấy tiền cho con ăn học mà con báo đáp mẹ thế hả. Chưa nứt mắt mà đã yêu đương nhăng nhít thế hả. Nói mẹ nghe ngay nó là đứa nào? Hai đứa đã làm những gì rồi?

Đáp lại chị An là ánh mắt ngỡ ngàng, sau đó chuyển sang giận dữ của Hoa khi nhìn thấy mẹ cầm điện thoại của mình khua khua trước mặt.

- Mẹ, sao mẹ lại cầm điện thoại của con?

- Ừ, mẹ không cầm thì để con làm loạn lên à. Mẹ thất vọng quá về con. Yêu đương sớm thế này thì sao tốt nghiệp được hả con ơi…

Cuộc tranh luận giữa chị An và Hoa chỉ dừng lại khi anh Thể, chồng chị Hoa ở trong phòng làm việc thấy vợ to tiếng, vội chạy ra xem có chuyện gì.

Thấy chồng, chị An vừa rúi chiếc điện thoại của con vào tay chồng nói anh xem, rồi lại tiếp tục quay sang mắng nhiếc cô bé thậm tệ. Nào là: Đồ mất nết, từ nay không có học hành gì nữa, ở nhà đi quét rác…

Liếc qua tin nhắn điện thoại của con, anh Thể đã hiểu rõ sự việc. Anh đưa tay kéo vợ vào phòng ngủ, một tay không quên vuốt nhẹ lên má con gái nói:

- Xin lỗi con gái con về phòng đi, bố sẽ nói chuyện với mẹ.

Sau khi nghe xong câu chuyện chồng kể, rồi trực tiếp gọi điện kiểm tra chủ nhân của số điện thoại lạ có nick name là “chồng yêu”, chị An thấy ân hận vô cùng vì đã trách nhầm con gái, đã không tin tưởng, tôn trọng quyền riêng tư của con.

Sau hôm ấy, mặc dù đã được bố động viên, an ủi, thuyết phục, song con gái chị An vẫn sống khép mình và lảng tránh mẹ dù chị đã xin lỗi và hứa không xâm phạm đến quyền tự do riêng của cô bé. Phải gần một năm sau, với rất nhiều nỗ lực, chị An mới lấy lại được niềm tin ở con gái, được con gái chia sẻ những tâm sự vui buồn của tuổi mới lớn.

Kính thưa quý vị,

Chúng ta có rất nhiều cách để quản lý, giáo dục con cái. Đâu đó trong các gia đình ở Việt Nam vẫn còn những ông bố, bà mẹ nhận thức, suy nghĩ, hành động không đúng trong việc giáo dục, quản lý con cái, để con cái mất đi niềm tin vào bố mẹ, ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển nhân cách của con…

Bên cạnh đó, tại khoản 3 Điều 38 Bộ luật dân sự 2015 đã quy định rõ: “Thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật. Việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác chỉ được thực hiện trong trường hợp luật quy định.”

Đối với hành vi vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà người có hành vi xâm phạm có thể bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Do vậy, những bậc cha mẹ hãy luôn quan tâm chăm sóc con cái mình đúng cách, khoa học và văn minh.

**Nhạc…**

**[Lời dẫn]:** Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật hôm nay xin dừng ở đây. Xin cảm ơn quý khán thính giả đã quan tâm theo dõi./.

**CHƯƠNG TRÌNH SỐ 04**

**\*\*\***

**Nhạc hiệu**

**[Lời dẫn]:**

Mời quý khán thính giả nghe chương trình truyền thanh phổ biến, giáo dục pháp luật.

Trong chương trình hôm nay, chúng tôi xin chuyển tới quý vị những nội dung chính sau đây:

- Một số quy định cơ bản về quyền bình đẳng giới

- Câu chuyện/tiểu phẩm pháp luật.

**Nhạc cắt**

**[Giới thiệu một số quy định cơ bản về quyền bình đẳng giới]**

**[Lời dẫn]:**

Thưa quý khán thính giả !

Bình đẳng giới hay còn gọi là bình đẳng nam, nữ là nhu cầu bức thiết của nhân loại tiến bộ nói chung và phụ nữ nói riêng trong cuộc đấu tranh vì quyền tự do, bình đẳng của con người chống áp bức, bóc lột, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

Bình đẳng giới là sự cụ thể hóa quyền bình đẳng trước pháp luật của công dân giữa công dân nam và công dân nữ.

Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiến hành xây dựng hệ thống pháp luật mới. Từ Hiến pháp đầu tiên (Hiến pháp năm 1946) quyền công dân nói chung và quyền bình đẳng của phụ nữ nói riêng đã được ghi nhận thành một nguyên tắc cơ bản và được tiếp tục kế thừa trong các bản Hiến pháp và văn bản pháp luật về sau.

Điều 26 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội. Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới”.

Những quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền bình đẳng của phụ nữ thể hiện bản chất ưu việt và quan điểm dân chủ mang tính nhất quán của Nhà nước ta. Trong xã hội ta, địa vị của người phụ nữ luôn được Đảng và Nhà nước coi là một tiêu chí quan trọng thể hiện trình độ văn minh và là mục tiêu cơ bản nhất của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng con người.

Việc xác định bình đẳng nam, nữ là một trong những nguyên tắc của Hiến pháp, là quyền cơ bản của công dân và không ngừng mở rộng trên cơ sở quan điểm tôn trọng phụ nữ đã tạo ra khung pháp lí hoàn thiện cho hệ thống pháp luật Việt Nam, thể hiện rõ tính ưu việt của nền dân chủ mang tính nhân văn của pháp luật Việt Nam.

Bình đẳng giới được thể hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và gia đình. Cụ thể:

*1. Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị*:

Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị thể hiện như sau:

- Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội.

- Nam, nữ bình đẳng trong tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức.

- Nam, nữ bình đẳng trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

- Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức.

Quy định về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị không chỉ tạo cơ hội cho nam giới mà cho cả nữ giới được tham gia đóng góp công sức, trí tuệ vào sự nghiệp chung của đất nước

*2. Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế*

Theo quy định của pháp luật, mọi công dân nam, nữ đều có quyền bình đẳng trong việc sở hữu thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, vốn và tài sản khác; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải được ghi tên cả vợ, chồng; được tự do sản xuất, kinh doanh theo quy định.

Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế thể hiện: nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động. Chủ doanh nghiệp là nam hay nữ đều có các quyền và nghĩa vụ như nhau trong hoạt động kinh doanh.

*3. Bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động*

Cụ thể hóa nguyên tắc Hiến định “*Công dân nữ và nam có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình*”, trong quan hệ lao động, pháp luật cũng quy định lao động nam và lao động nữ được đối xử bình đẳng. Một trong những chính sách cơ bản của Nhà nước về lao động là bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới và các quy định chế độ lao động và chính sách xã hội nhằm bảo vệ lao động nữ.

*Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ t*rong quan hệ lao động được hiểu là: bình đẳng giữa nam và nữ về cơ hội tiếp cận việc làm, về điều kiện tuyển dụng, sử dụng, đào tạo nghề, nâng bậc lương và trả công lao động.

Lao động nữ và lao động nam bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc. Lao động nữ và nam việc làm như nhau thì tiền lương ngang nhau. Lao động nữ và lao động nam bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh ngành nghề có tiêu chuẩn, chức danh.

*Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ t*rong quan hệ lao động cũng cần phải quan tâm lưu ý đến những đặc điểm khác biệt về cơ thể, sinh lý và chức năng làm mẹ của phụ nữ. Vì vậy, pháp luật cũng có những quy định cụ thể ưu đãi đối với lao động nữ như: ưu tiên nhận phụ nữ vào làm việc khi người đó đủ tiêu chuẩn tuyển chọn làm công việc phù hợp với cả nam và nữ; lao động nữ có quyền hưởng chế độ thai sản; người sử dụng lao động không được sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với lao động nữ vì lý do kết hôn, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi (trừ trường hợp doanh nghiệp giải thể) đồng thời không sử dụng lao động nữ vào công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại.

Điều 63 Hiến pháp năm 1992 quy định:

“… *Lao động nữ và nam việc làm như nhau thì tiền lương ngang nhau. Lao động nữ có quyền hưởng chế độ thai sản. Phụ nữ là viên chức nhà nước và người làm công ăn lương có quyền nghỉ trước và sau khi sinh đẻ mà vẫn hưởng lương, phụ cấp theo quy định của pháp luật.*

*Nhà nước và xã hội tạo điều kiện để phụ nữ nâng cao trình độ mọi mặt, không ngừng phát huy vai trò của mình trong xã hội; chăm lo phát triển các nhà hộ sinh, khoa nhi, nhà trẻ và các cơ sở phúc lợi xã hội khác để giảm nhẹ gánh nặng gia đình, tạo điều kiện cho phụ nữ sản xuất, công tác, học tập, chữa bệnh, nghỉ ngơi và làm tròn bổn phận của người mẹ*”.

*4. Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo*

Pháp luật hiện hành quy định nam, nữ bình đẳng về cơ hội học tập, người học có quyền được nhà trường, cơ sở giáo dục khác tôn trọng và đối xử bình đẳng và có các quyền khác… nhằm bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập của công dân.

Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thể hiện:

- Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng.

- Nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo.

- Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

- Nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

**Nhạc...**

**[ Câu chuyện pháp luật/ tiểu phẩm]**

**[Lời dẫn]:** Tiếp theo chương trình, mời khán thính giả cùng nghe câu chuyện pháp luật/tiểu phẩm “**TRAI MÀ CHI, GÁI MÀ CHI…**”

**Nhạc...**

**Tiếng An lè nhè từ bên trong**

**- Các cậu về nhá… ngày mai lại gặp nhau**

**An (đập cửa): Mở cửa! Mở cửa!**

**Mai (mở cửa): Sao mình về khuya thế! Hôm nào cũng mười một, mười hai giờ mới về, ai mà chịu được.**

**An: Mặc tôi! Không việc gì đến cô (An bước vào nhà miệng nồng nặc mùi rượu).**

**Mai: Mấy tháng nay, đêm nào mình cũng say lướt khướt thế này. Mà rượu bây giờ toàn rượu giả, ốm ra đấy rồi lại khổ vợ, khổ con.**

**An: Cô khổ cái gì… tôi mới là người khổ đây này… Sao tôi lại khổ thế hả giời!**

**Mai: Mình khổ cái nỗi gì mình nói xem sao?**

**An: Là con trưởng mà tôi mới sinh được 2 con vịt giời. Cách đây mấy tháng, tôi mua được quyển sách dạy sinh con theo ý muốn. Tôi mang về, bảo cô đọc và làm theo để vợ chồng mình có thằng cu nối dõi tông đường. Tôi nói vã bọt mép mà cô cũng không đồng ý. Trời ơi là trời… Suốt ngày bị bố mẹ nhiếc móc, bạn bè trêu trọc… chán quá đi mất.**

**Mai: Sao mình cứ lạc hậu thế. Con nào chả là con. Vả lại kinh tế nhà mình thì khó khăn. Bảo đảm cho 2 con học và trưởng thành là cố gắng lắm rồi. Nếu đẻ thêm đứa nữa, cả nhà ta sẽ sống sao đây, vợ chồng mình có xoay sở không, mà lại con gái thì sao.**

**An: Trời sinh voi, trời sinh cỏ. Cô phải cố gắng đẻ cho tôi thằng con trai cô hiểu chưa…**

**Mai: Hai vợ chồng cũng đã gần 50 tuổi, hai con cũng sắp tốt nghiệp cấp 3 cả rồi. Cha già, con cọc, tội cả mình cả con, anh không thấy xấu hổ à.**

**An: Xấu hổ lấy rổ mà che, lấy nong mà đậy, lấy cót mà quây… Nếu sinh được cái cần câu rô là vui hết… Tôi không thể nào chịu nổi khi về đến nhà chỉ toàn thấy máy khâu con bướm, chán lắm rồi.**

**Mai: Anh cổ hủ lắm, gần một năm nay anh bỏ bê việc nhà, chỉ làm bạn làm bè với cái chai, cái hũ. Suốt ngày say lướt khướt. Anh mượn hơi rượu mắng vợ, chửi con, các con gái thì lớn hết cả rồi, cứ mãi thế này ai mà chịu nổi anh.**

**An: Không chịu nổi thì cuốn xéo, cút đi… cút hết cả đi. Không biết đẻ lại còn già mồm, hay lý sự…**

**Quát vợ rồi, An lăn ra giường ngủ. Sáng hôm sau thức dậy, An thấy vợ nấu sẵn cháo để trên mâm. Hai đứa con gái chào bố đi học, tự nhiên anh thấy lòng quặn lại… lại cảm thấy hối hận vì tối qua đã quát mắng vợ.**

**Vừa lúc đó, bác Long – bác trưởng họ bước vào sân.**

**Bác Long: Dạy rồi hả cháu. Cái An vừa bảo bác sang xem cháu thế nào, hôm qua uống hơi say phải không?**

**An: Vâng ạ…**

**Bác Long: Sao mày cứ rượu chè suốt thế hả cháu. Hai đứa con đang tuổi ăn, tuổi học, vợ thì giáo viên đồng lương ít ỏi, mà cháu cứ không đi làm… thì lấy tiền đâu mà nuôi con. Bác đây là trưởng họ, bác cũng có con trai đâu. Trai mà chi, gái mà chi, sinh ra nghĩa, có nghì là hơn. Cháu mà cứ như vậy là còn vi phạm pháp luật nữa đấy. Nhà nước đã quy định bình đẳng trong xã hội cũng như trong gia đình rồi, nam, nữ bình đẳng, vợ, chồng bình đẳng, con gái, con trai bình đẳng, không được phân biệt con trai, con gái cháu ạ. Tư tưởng “trọng nam, khinh nữ” lạc hậu rồi cháu ơi.**

**An: Nhưng không có con trai, ức lắm bác ạ, bố mẹ cháu rồi mấy thằng bạn nữa lần nào gặp cũng bảo cháu kém, không đẻ được con trai, con gái chỉ là con người ta…**

**Bác Long: Đàn ông gì mà thiếu bản lĩnh thế cháu, như bác đây sống vẫn thoải mái. Bây giờ hai bác không nhờ hai đứa em gái mày thì nhờ ai?**

**An: Vâng hai bác sướng quá còn gì, các em thành đạt, hạnh phúc, chăm lo cho hai bác không thiếu thứ gì.**

**Bác Long: Hai con hĩm nhà cháu mà chẳng vậy à, thế nhưng tao cứ thấy mày mắng chúng nó suốt…**

**Vừa lúc đó, Hoa (con lớn của anh An, chị Mai) đi học về.**

**An: Sao về sớm thế con, được nghỉ học à.**

**Hoa: Không ạ, chào cờ nhà trường thông báo kết quả nên hết tiết một, con muốn về khoe với bố luôn, bố biết không con được giải nhì toán toàn tỉnh đấy, bố ngạc nhiên chưa.**

**Bác Long: Cháu gái giỏi quá.**

**Quay sang An, bác Long cười nói: Thế mà bố mày cứ bảo con gái chẳng làm nên trò chống gì đấy.**

**Hoa: Vâng bố cháu cứ gọi bọn cháu là đồ ăn hại ông ạ…**

**Bác Long: Ừ thế mà lại giải nhì toán nhỉ, ăn hại thế thì còn gì bằng.**

**Bác Long vừa nói vừa xoa đầu cháu Hoa.**

**An (đỏ mặt xấu hổ): Ông lại nói con rồi... Ừ thế mẹ mày mừng lắm đấy, thôi ra trường đi không muộn học.**

**Hoa: Vâng ạ, con chào ông, con chào bố ạ.**

**Hoa lại quay xe phóng vọt đi, nhìn anh An thật hạnh phúc. Bác Long cũng vui trong lòng và ra về**

**Nhạc…**

**[Lời dẫn]:** Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật hôm nay xin dừng ở đây. Xin cảm ơn quý khán thính giả đã quan tâm theo dõi./.

**CHƯƠNG TRÌNH SỐ 05**

**\*\*\***

**Nhạc hiệu**

**[Lời dẫn]:**

Mời quý khán thính giả nghe chương trình truyền thanh phổ biến, giáo dục pháp luật.

Trong chương trình hôm nay, chúng tôi xin chuyển tới quý vị những nội dung chính sau đây:

- Một số quy định cơ bản về quyền quyền tự do đi lại, tự do cư trú; khai sinh, khai tử

- Câu chuyện/tiểu phẩm pháp luật.

**Nhạc cắt**

**[Giới thiệu một số quy định cơ bản về quyền tự do đi lại, tự do cư trú]**

**[Lời dẫn]:**

Thưa quý khán thính giả !

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, quyền tự do đi lại, tự do cư trú được xác định là một trong những quyền tự do cơ bản của công dân, được ghi nhận trong các bản Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980 và 1992 và Hiến pháp 2013.

Điều 68 Hiến pháp năm 1992 khẳng định:

“*Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước theo quy định của pháp luật*”.

Quyền tự do đi lại, tự do cư trú được cụ thể hóa trong Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Cư trú năm 2006.

Dưới góc độ dân sự, quyền tự do đi lại, tự do cư trú được coi là một trong những quyền nhân thân của mỗi cá nhân.

Quyền tự do đi lại, tự do cư trú của công dân liên quan đến việc bảo vệ trật tự công công, giữ gìn an ninh quốc gia và các quyền tự do của công dân khác, vì thế việc thực hiện quyền tự do cư trú cần tuân thủ các quy định của Luật Cư trú và các quy định khác của pháp luật liên quan.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, nội dung quyền tự do đi lại, tự do cư trú của công dân được hiểu là:

- Quyền tự do đi lại trong phạm vi lãnh thổ quốc gia.

- Quyền tự do lựa chọn nơi sinh sống, nơi làm việc và nơi nghỉ ngơi trong phạm vi lãnh thổ nước mình.

- Quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài trở về nước.

Quyền tự do đi lại, tự do cư trú của cá nhân chỉ có thể bị hạn chế theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định

*1.1. Quyền tự do đi lại trong phạm vi lãnh thổ quốc gia*

Mọi cá nhân, bao gồm công dân Việt Nam và người nước ngoài có quyền tự do đi lại trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Quyền này được pháp luật đảm bảo và chỉ bị hạn chế trong những trường hợp đặc biệt, tại một số khu vực nhất định trên cơ sở quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Người nước ngoài được đi lại tự do trên lãnh thổ Việt Nam phù hợp với mục đích nhập cảnh đã đăng ký, trừ khu vực cấm người nước ngoài đi lại.

*1.2. Quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài trở về nước*

Mọi công dân Việt Nam đều có quyền được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ để xuất cảnh. Trong trường hợp có nhu cầu trở về Việt Nam để làm ăn, sinh sống hay định cư lâu dài, công dân Việt Nam cũng được cấp giấy tờ nhập cảnh hợp pháp.

Quyền tự do đi khỏi và trở về nước mình có những ngoại lệ nhất định. Theo quy định của pháp luật về xuất cảnh và nhập cảnh, công dân Việt Nam ở trong nước chưa được xuất cảnh nếu thuộc một trong những trường hợp pháp luật quy định cấm xuất cảnh như: đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc có liên quan đến công tác điều tra tội phạm; đang có nghĩa vụ chấp hành bản án hình sự; đang có nghĩa vụ chấp hành bản án dân sự, kinh tế; đang chờ để giải quyết tranh chấp về dân sự, kinh tế; vì lý do bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội...

Về nguyên tắc, Nhà nước Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi đối với việc nhập cảnh, xuất cảnh của người nước ngoài. Ngược lại, người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh Việt Nam phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và tôn trọngtruyền thống*,* phong tục, tập quán của nhân dân Việt Nam. Người nước ngoài chưa được nhập cảnh hoặc có thể bị tạm hoãn xuất cảnh trong một số trường hợp theo quy định của pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh.

*1.3. Quyền tự do cư trú*

Tự do cư trú là một trong những quyền cơ bản của công dân được ghi nhận ngay từ Hiến pháp đầu tiên năm 1946 và đến nay, quyền cơ bản đó vẫn tiếp tục được khẳng định tại Hiến pháp năm 2013, Luật Cư trú và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Luật Cư trú được ban hành đã tạo điều kiện cho công dân thực hiện quyền tự do cư trú trong nước theo quy định, đồng thời xây dựng cơ sở pháp lý, đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi khách quan trong quản lý nhà nước về đăng ký, quản lý cư trú trong tình hình, điều kiện mới khi mà Việt Nam hội nhập kinh tế, mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế.

Điều 5 Luật Cư trú khẳng định: Nhà nước bảo đảm quyền tự do cư trú của công dân. Cơ quan, tổ chức, cá nhân xâm phạm quyền tự do cư trú của công dân phải bị xử lý nghiêm minh.

Quyền tự do cư trú của công dân còn được thể hiện qua việc công dân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký thường trú, tạm trú, quyền được cấp, cấp lại, đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú; được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện quyền cư trú; được yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện biện pháp bảo vệ quyền cư trú của mình, cụ thể:

“*1. Lựa chọn, quyết định nơi thường trú, tạm trú của mình phù hợp với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.*

*2. Được cấp, cấp lại, đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú.*

*3. Được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện quyền cư trú.*

*4. Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện biện pháp bảo vệ quyền cư trú của mình.*

*5. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với hành vi vi phạm pháp luật về cư trú theo quy định của pháp luật*”.

Cùng với việc bảo đảm và tạo điều kiện để công dân thực hiện quyền tự do cư trú, Luật Cư trú cũng quy định nhóm các hành vi bị nghiêm cấm áp dụng đối với cơ quan quản lý, tổ chức và cá nhân nhằm bảo đảm quyền tự do cư trú của công dân được thực hiện nghiêm chỉnh, không bị sách nhiễu, phiền hà khi thực hiện các thủ tục đăng ký thường trú, tạm trú hoặc thông bảo lưu trú, đồng thời ngăn chặn các hành vi lợi dụng quyền tự do cư trú để xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm hiệu quả công tác quản lý cư trú như nghiêm cấm hành vi cản trở công dân thực hiện quyền tự do cư trú; lạm dụng quy định về hộ khẩu để hạn chế quyền, lợi ích hợp pháp của công dân; nhận hối lộ, cửa quyền, hách dịch, sách nhiễu, gây phiền hà trong việc đăng ký, quản lý cư trú…

**Nhạc...**

**[ Câu chuyện pháp luật/ tiểu phẩm]**

**[Lời dẫn]:** Tiếp theo chương trình, mời khán thính giả cùng nghe câu chuyện pháp luật/tiểu phẩm “**CHƯA TRẢ NỢ KHÔNG ĐƯỢC CHẾT**”

**Nhạc...**

**Tiểu phẩm/câu chuyện pháp luật: CHƯA TRẢ NỢ KHÔNG ĐƯỢC CHẾT**

**[Lời dẫn]**: Bà Lê quê ở xã Thiên Hương, huyện Thuận Hòa, tỉnh Hưng Nguyên. Bà bị tàn tật từ hồi còn nhỏ và thuộc hộ nghèo. Do tuổi cao, sức yếu lại bệnh tật, bà mới qua đời. Bà chỉ có người con nuôi là ông Phong, nên ông Phong và vợ con đứng ra lo tang lễ, hậu sự cho mẹ nuôi. Trước tiên, ông Phong đến gặp để báo cho ông Xuân là trưởng thôn về cái chết của bà Lê.

ÔNG PHONG: Ông trưởng thôn ơi, cụ Lê nhà tôi mất lúc 10h sáng nay rồi ông ạ. Tôi đến báo ông trưởng thôn biết, nhờ ông làm trưởng ban tang lễ, giúp mẹ tôi hoàn tất thủ tục về nơi chín suối.

TRƯỞNG THÔN: Tôi chia buồn với anh và gia đình. Âu cũng là quy luật trên đời “sinh, lão, bệnh, tử”. Người chết rồi thì phải tiến hành mai táng thôi, chỉ có điều, lúc còn sống bà cụ nhà anh vẫn còn nợ tiền đóng góp của làng, của thôn, của xã nên bây giờ, tôi chưa biết phải tính sao đây?

ÔNG PHONG: Ông trưởng thôn nói gì cơ? Lúc còn sống, mẹ tôi đâu có vay mượn gì mà còn nợ với nần. Bà cụ tuy tàn tật thế nhưng sống rất hiền lành và có hậu. Tiền thuốc thang, ăn uống, tuy không có nhưng tôi vẫn chạy để lo cho bà cụ. Vậy ông bảo, bà cụ vay tiền để làm gì?

TRƯỞNG THÔN: Không phải là vay tiền. Ông không biết đấy thôi, tôi nói bà cụ nợ tiền là nợ tiền thuế đất nông nghiệp, tiền đóng góp an ninh quốc phòng, tiền ủng hộ đồng bào lũ lụt, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ hội xuân, quỹ khuyến học, tổng cộng là 2,1 triệu cho 6 loại tiền đóng tất cả.

ÔNG PHONG: Ối ông ơi, bà cụ thuộc diện hộ nghèo của xã, ông bảo bà cụ lấy đâu ra tiền mà đóng góp mấy cái khoản quỹ đó.

TRƯỞNG THÔN: Cả xã này bao nhiêu nhà nghèo, đâu phải mỗi cụ Lê đâu. Thế cứ nghèo là không phải đóng thì lấy đâu ra quỹ cho làng, cho xóm. Ai cũng phải đóng hết. Đấy là quy định chung rồi, tôi không làm khác được.

ÔNG PHONG: Nhưng nay bà cụ chết rồi, chẳng nhẽ, ông tính gọi bà cụ dậy để nộp sao? Thôi, tôi báo cho ông biết tin để ông phát loa thông báo cho cả làng biết giúp tôi, lát tôi cho thằng nhỏ lên nhà văn hóa, ông cho nó mượn xe tang. Khi nào xong thủ tục chôn cất cho bà cụ tôi sẽ xuống xã làm giấy chứng tử sau.

TRƯỞNG THÔN: Tôi không lôi thôi với nhà ông đâu. Bây giờ, muốn thông báo chết, muốn mượn xe tang, muốn làm giấy chứng tử thì phải nộp hết nợ đã. Không loằng ngoằng nhiều làm gì.

**[Lời dẫn]:** Nói vừa dứt lời, ông trưởng thôn không tiếp chuyện nữa, cương quyết không giúp gia đình ông Phong tổ chức tang lễ cho bà cụ Lê. Thấy vậy, ông Phong bỏ về để làm tiếp những công việc cần thiết khác cho đám tang. Đang đi ông chợt nghĩ ra là sẽ xuống xã nhờ anh Hiền, cán bộ tư pháp hộ tịch giải thích về việc đóng góp tiền của cụ cho làng có bắt buộc hay không và thuyết phục ông trưởng thôn đồng ý để tổ chức đám tang cho cụ.

ÔNG PHONG: Chào chú Hiền.

ANH HIỀN: Chào anh Phong! Em cũng vừa biết tin của cụ Lê, em xin chia buồn với gia đình mình. Anh xuống đăng ký khai tử cho cụ à?

ÔNG PHONG: Chưa, tôi xuống đây tìm chú nhờ chú tư vấn giúp một chuyện.

**[Lời dẫn]:** Ông Phong kể lại tường tận câu chuyện của cụ Lê cho anh Hiền biết. Là cán bộ có hiểu biết pháp luật, lại trực tiếp thực hiện việc đăng ký khai tử cho nhân dân trên địa bàn xã nên anh Hiền đồng ý cùng ông Phong đến gặp ông trưởng thôn để giải thích và thuyết phục.

ANH HIỀN: Em chào bác trưởng thôn! Em lên đây có chút việc muốn nhờ bác đây.

ÔNG TRƯỞNG THÔN: Vâng, chào anh Hiền cán bộ. Anh cứ nói, chứ tôi thì giúp được gì cho anh đâu.

ANH HIỀN: Nhiều chứ bác, làng mình phải nhờ bác trưởng thôn nhiều thì mọi việc mới trôi chảy và phát triển được. Chẳng là, em lên vì chuyện của cụ Lê. Em đã nghe bác Phong đây kể lại chuyện rồi.

ÔNG TRƯỞNG THÔN: À, hóa ra là vậy.

ANH HIỀN: Em rất thông cảm và chia sẻ với công việc mà người như các anh đang làm, nhiều khi người dân không hiểu, hoặc lại cho rằng mình nguyên tắc quá. Nhưng bác trưởng thôn à, có thể bác đã biết, để thực hiện quyền nhân thân của mình khi sinh ra, công dân phải thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh và khi chết đi, thân nhân của người chết hoặc người có nghĩa vụ theo quy định của pháp luật phải đi đăng ký khai tử. Em nghĩ, em nói thế bác cũng hiểu rồi.

ÔNG TRƯỞNG THÔN: Tôi hiểu chứ, mỗi người ai sinh ra cũng có quyền khai sinh, khai tử. Chẳng lẽ, chết cũng không được công nhận là đã chết hay sao. Chẳng qua, tôi cứ nói thế với ông Phong đây để gia đình biết chuyện, qua đó mới nâng cao trách nhiệm cộng đồng của mỗi người dân. Nếu như ai cũng không chấp hành đúng nghĩa vụ rồi lại đòi hỏi xã hội phải quan tâm thì sẽ như thế nào?

**[Lời dẫn]:** Nãy giờ, ông Phong vẫn ngồi cạnh cán bộ xã và trưởng thôn nghe chuyện. Khi được ông trưởng thôn nhắc đến nghĩa vụ công dân, ông Phong cũng có ý muốn tham gia.

ÔNG PHONG: Thưa ông trưởng thôn và anh Hiền cán bộ xã, sau khi từ nhà ông trưởng thôn về, tôi cũng đã suy nghĩ về khoản nợ đóng góp của mẹ nuôi tôi. Nếu thực sự phải đóng góp, với bổn phận làm con, tôi nhất định sẽ thay mẹ đóng góp cho làng nước. Có vấn đề gì, thì ông trưởng thôn cứ yêu cầu. Chỉ mong sao, ông trưởng thôn đứng ra tổ chức tang lễ cho mẹ tôi nơi chín suối được yên lòng.

ANH HIỀN: Chúng ta không nên nặng nề vấn đề quá hai bác ạ. Cụ đã mất thì ta vẫn phải tiến hành mai táng cho cụ thôi. Lo xong thủ tục, thì gia đình xuống Ủy ban nhân dân xã để đăng ký khai tử cho cụ. Vấn đề ở chỗ, từ trước đến nay, ma chay hiếu hỉ gì cũng phải theo lệ làng. Vì thế, mới cần bác trưởng thôn đây đứng ra làm ban tổ chức.

ÔNG TRƯỞNG THÔN: Thôi được rồi, mọi người đã nói thế, tôi cũng không làm khó ai bao giờ. Bây giờ tôi sẽ phát loa thông báo cho dân làng, sau đó, sẽ cùng gia đình hoàn tất các thủ tục mai táng để tiễn cụ về thế giới bên kia. Về khoản nợ đóng góp của cụ, tôi cũng rất mừng khi ông Phong đây, tiếng là con nuôi nhưng rất bổn phận và trách nhiệm. Vì thế, trong cuộc họp làng sắp tới tôi sẽ đưa vấn đề này ra để dân làng cho ý kiến.

ÔNG PHONG: Em cảm ơn bác nhiều lắm, được thế này thì còn gì bằng.

ANH HIỀN: Cảm ơn bác trưởng thôn đã nghĩ thấu đáo vấn đề. Đây đúng là người đứng đầu xứng đáng của làng mình rồi. Vậy là bác Phong cũng yên tâm về lo cho cụ rồi nhé. Nhưng bác Phong nhớ nhé, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày chết, gia đình phải xuống Ủy ban nhân dân xã để đăng ký khai tử cho bà cụ.

ÔNG PHONG: Tôi nhớ rồi, tôi cảm ơn bác trưởng thôn và anh Hiền. Giờ tôi phải về để lo hậu sự cho bà cụ. Tôi chào bác và chú nhé.

**Nhạc…**

**[Lời dẫn]:** Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật hôm nay xin dừng ở đây. Xin cảm ơn quý khán thính giả đã quan tâm theo dõi./.

**CHƯƠNG TRÌNH SỐ 06**

**\*\*\***

**Nhạc hiệu**

**[Lời dẫn]:**

Mời quý khán thính giả nghe chương trình truyền thanh phổ biến, giáo dục pháp luật.

Trong chương trình hôm nay, chúng tôi xin chuyển tới quý vị những nội dung chính sau đây:

- M ong chương trình hôm nayQuyng tham gia quản lý nhà nước và xã hội

- Câu chuyện/tiểu phẩm pháp luật.

- Thông tin tham khảo

**Nhạc cắt….**

**[Giới thiệu một số quy định cơ bản về Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội]**

**[Lời dẫn]:**

Thưa quý khán thính giả !

Quyền tham gia quản lý Nhà nước là một trong những quyền chính trị quan trọng được ghi nhận từ lâu trên thế giới. Quyền tham gia quản lý công việc nhà nước và xã hội của công dân đã được quy định tại Điều 25 của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 (ICCPR). Điều 25 của Công ước công nhận và bảo vệ quyền của mọi công dân được tham gia công việc quản lý nhà nước, quyền bầu cử và ứng cử; quyền tham gia các cơ quan công quyền.

Để đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của đất nước trong thời kỳ mới, Văn kiện đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ X của nước ta đã khẳng định chủ trương *“Xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thật sự là công bộc của nhân dân. Xác định các hình thức tổ chức và có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền dân chủ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội. Đề cao trách nhiệm của các tổ chức Đảng, Nhà nước đối với nhân dân”* và *“Phát huy dân chủ là vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với tiến trình phát triển nước ta”*.

Xuất phát từ chủ trương, đường lối đó của Đảng, Nhà nước ta đã tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân. Điều 28, Hiến pháp năm 2013 nêu rõ: “Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước”.

Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của công dân thể hiện tính trực tiếp của quyền lực nhân dân trong đời sống quản lý. Để thực hiện quyền cơ bản này, pháp luật đã quy định những quyền và nghĩa vụ cụ thể của công dân trong các lĩnh vực khác nhau của quản lý hành chính nhà nước. Trước hết, đó là quyền tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và của địa phương, quyền kiến nghị với cơ quan nhà nước.

Trong thực tế, đây là hình thức đã trở thành thông lệ trong đời sống sinh hoạt chính trị ở xã hội ta. Mỗi khi quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và xã hội, trước khi thông qua quyết định, Nhà nước thường tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các tầng lớp nhân dân. Với hình thức này, nhân dân tự mình trực tiếp đóng góp ý kiến vào các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Bằng cách đó mà ý chí, trí tuệ của nhân dân ảnh hưởng đến các quyết định của Nhà nước.

Để bảo đảm sự tham gia của nhân dân vào công việc quản lý nhà nuớc theo Hiến pháp, một số văn bản quy phạm pháp luật như luật Bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân, luật Tổ chức Quốc hội, luật Tổ chức Chính phủ, luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, luật Khiếu nại, tố cáo, luật Phòng, chống tham nhũng… đã quy định cụ thể các điều kiện, hình thức, phương thức để nhân dân tham gia vào hoạt động quản lý của Nhà nước như việc các đại biểu, các cơ quan nhà nước phải tiếp nhận và giải quyết các đề xuất, kiến nghị, khiếu nại của người dân, tiếp thu các ý kiến đóng góp vào các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội...

Một số luật về các tổ chức chính trị - xã hội như luật Công đoàn, luật Thanh niên, luật Mặt trận Tổ quốc cũng cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội tham gia công việc quản lý nhà nước.

Ngày 20 tháng 4 năm 2007, Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá XI đã thông qua Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Đây là văn bản pháp lý quan trọng nhằm phát huy quyền dân chủ của nhân dân ở xã, phường, thị trấn, trong đó tại Chương II của Pháp lệnh có 5 điều (từ Điều 5 đến Điều 9) quy định cụ thể về những nội dung công khai để dân biết, bao gồm những nhóm nội dung chính sau:

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phư­­ơng án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách hằng năm của cấp xã;

- Các dự án, công trình đầu t­ư, phư­ơng án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư­ liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phư­ơng án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư­ trên địa bàn cấp xã;

- Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân;

- Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu t­ư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động nhân dân đóng góp;

- Chủ tr­­ương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; phư­ơng thức và kết quả bình xét hộ nghèo đư­­ợc vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình th­ương, cấp thẻ bảo hiểm y tế;

- Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã;

- Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã;

- Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đ­ưa ra lấy ý kiến nhân dân;

- Đối tư­­ợng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu;

- Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện;

- Những nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà n­ước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

Đồng thời, pháp lệnh cũng nêu rõ: Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy, các văn bản pháp lý hiện hành đã quy định khá cụ thể các hình thức, phương thức tham gia của nhân dân trong việc quản lý, xây dựng các chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Bên cạnh đó, người dân có thể tham gia xây dựng các chính sách, pháp luật thông qua đại biểu trong các cơ quan đại diện (Quốc hội, Hội đồng nhân dân), các tổ chức chính trị - xã hội mà mình tham gia hoặc qua các phương tiện thông tin đại chúng. Nhưng người dân cũng có thể quyết định trực tiếp các vấn đề ở tầm quốc gia khi Nhà nước tổ chức trưng cầu dân ý, hoặc trực tiếp quyết định các vấn đề ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

Sự tham gia của nhân dân được thực hiện trong toàn bộ quá trình xây dựng chính sách: từ các đề xuất sáng kiến ban đầu, đến việc tiến hành triển khai xây dựng, quyết định và thi hành chính sách.

Có thể nói, các phương thức, hình thức để người dân tham gia vào quá trình xây dựng luật pháp, chính sách, vào công việc quản lý của Nhà nước đã được quy định rất đa dạng, phong phú. Những hành lang pháp lý đó cho phép người dân có thể biểu đạt được ý chí, nguyện vọng của mình với các cơ quan nhà nước trong việc hình thành nên các chính sách, pháp luật cũng như việc quyết định và thi hành pháp luật.

**Nhạc...**

**[ Câu chuyện pháp luật/ tiểu phẩm]**

**[Lời dẫn]:** Tiếp theo chương trình, mời khán thính giả cùng nghe câu chuyện pháp luật/tiểu phẩm “**CÔNG KHAI CHO DÂN**”

**Nhạc...**

**Tiểu phẩm/câu chuyện pháp luật: *“ Công khai cho dân”***

Vừa qua, thành phố có chủ trương đề xuất Trung ương tách xã K thành 2 xã để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước vì xã K hiện có diện tích khá lớn, dân số lại đông nên ít nhiều gây quá tải cho công tác quản lý nhà nước của đội ngũ công chức xã này.

Trở về nhà sau cuộc họp cán bộ chủ chốt xã suốt buổi chiều để bàn về chủ trương này, ông H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã k thấy khá mệt mỏi, bởi có quá nhiều ý kiến trái chiều, đặc biệt là việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức khi thực hiện chủ trương tách xã. Gặp vợ ngoài cổng, ông H nói:

- Bà lấy cho tôi cốc nước mát?

- Ở xã có công chuyện gì hả ông? Tôi thấy ông có vẻ căng thẳng lắm. Vợ ông hỏi.

- Lại chuyện tách xã đó bà. Có mỗi việc tách xã mà ý kiến ra ý kiến vào, tách thì cứ tách.

Nói rồi, ông thuật lại cho vợ nghe về chủ trương này của thành phố và thông tin sắp tới phải thông báo công khai chủ trương này tới toàn thể người dân trong xã. Nghe đến đây, vợ ông liền nói:

- Cái gì cũng phải thông báo cho dân à. Đây là việc của Nhà nước, của Chính quyền, thông báo với dân để làm gì, người dân có làm lãnh đạo đâu mà quan tâm. Chả có lẽ, cái gì cũng phải thông báo cho dân. Vợ ông vừa nói vừa đưa ông cốc nước chanh.

- Bà này nghĩ không hết (ông H vừa uống một ngụm nước vừa nói), Luật quy định thế thì phải làm. Hiện nay, Đảng và Nhà nước đã có chủ chương về việc tăng cường sự tham gia của người dân trong quản lý nhà nước và xã hội rồi, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 cũng quy định các nội dung phải công khai để nhân dân biết, trong đó có một nội dung phải công khai là: Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã. Việc công khai thông tin này là trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, vừa là thể hiện quyền tham gia vào công việc quản lý nhà nước của người dân đó bà ạ.

Nghe chồng nói, bà thấy rất đúng. Tách xã là chủ trương quan trọng liên quan và ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống của người dân trong xã nên người dân cần phải được biết về chủ trương này.

**3. Thông tin tham khảo**

Theo bài viết ***“Nguyễn Thanh (TX Quảng Yên, Quảng Ninh)”: Tăng cường sự tham gia của người dân***được đăng ngày 06/07/2016 trên Báo Quảng Ninh, thực hiện chủ đề công tác năm của tỉnh Quảng Ninh về “nâng cao chất lượng quản trị và hành chính công”, TX Quảng Yên đặc biệt chú trọng các giải pháp: Tăng cường sự tham gia của người dân ở cơ sở; công khai, minh bạch các chế độ chính sách, thủ tục hành chính, tăng cường trách nhiệm giải trình của chính quyền, đẩy mạnh cải cách hành chính… với mục tiêu lấy sự tin tưởng và hài lòng của người dân làm phương châm hoạt động.

Từ đầu năm nay, thị xã Quảng yên tăng cường khuyến khích người dân tham gia giám sát việc thực hiện nhiệm vụ công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời đẩy mạnh việc công khai minh bạch, tiến tới minh bạch hoá toàn bộ các hoạt động của các cơ quan nhà nước; nâng cao trách nhiệm giải trình với nhân dân… Qua đó, làm căn cứ giúp địa phương điều chỉnh và cải thiện hiệu quả công tác, phục vụ người dân tốt hơn. Trên cơ sở này, thị xã đã yêu cầu các xã, phường, đơn vị trên địa bàn quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng, đầy đủ nội dung việc nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công để cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân hiểu các nội dung của chỉ số PAPI **(chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh)**

Phát huy quyền làm chủ của người dân trong việc tham gia, kiểm tra, giám sát một số vấn đề của địa phương, TX Quảng Yên tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện dân chủ ở cơ sở để các cán  bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ. Trên cơ sở này, người dân đã tích cực tham gia vào các công việc của địa phương, như: Xây dựng nông thôn mới; bình xét gia đình văn hoá, tiêu chuẩn hộ nghèo; xây dựng hương ước, quy ước, làng văn hoá, nếp sống văn minh… Thị xã quán triệt các xã, phường, đơn vị thực hiện nghiêm túc việc công khai, minh bạch, đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách; thu, chi ngân sách; khung giá đất, kế hoạch giải phóng mặt bằng; phí, lệ phí… Cùng với việc niêm yết công khai các thủ tục, chính sách tại trụ sở làm việc của các xã, phường, đơn vị, thị xã xây dựng bảng niêm yết công khai các nội dung trên tại nhà văn hoá các thôn, khu trên địa bàn. Bằng cách làm này, thị xã đã đưa các thông tin đến gần nhất với người dân để nhân dân nắm bắt, thực hiện đầy đủ. Hiện 163/179 nhà văn hoá của thị xã đã có bảng niêm yết công khai các thủ tục, chính sách.

Xác định trách nhiệm giải trình là yêu cầu cấp thiết, là giải pháp hữu hiệu để thực hiện dân chủ, đảm bảo quyền lợi của người dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội, các cấp chính quyền thị xã duy trì nghiêm công tác tiếp công dân và giải quyết đơn, thư kiến nghị của người dân theo đúng quy định. Thị xã quán triệt đội ngũ cán bộ tiếp công dân phải có thái độ tích cực, hoà nhã để trao đổi, giải thích kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của người dân. Trong 6 tháng đầu năm 2016, thị xã đã tiếp trên 200 lượt công dân, tiếp nhận và làm rõ trên 100 vụ việc. Nhiều kiến nghị của người dân được thị xã xử lý dứt điểm ngay từ cấp cơ sở, tạo sự đồng thuận trong toàn hệ thống chính trị và niềm tin trong nhân dân.

**Nhạc…**

**[Lời dẫn]:** Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật hôm nay xin dừng ở đây. Xin cảm ơn quý khán thính giả đã quan tâm theo dõi./.

**CHƯƠNG TRÌNH SỐ 07**

**\*\*\***

**Nhạc hiệu**

**[Lời dẫn]:**

Mời quý khán thính giả nghe chương trình truyền thanh phổ biến, giáo dục pháp luật.

Trong chương trình hôm nay, chúng tôi xin chuyển tới quý vị những nội dung chính sau đây:

- Giới thiệu một số quy định cơ bản về Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo

- Câu chuyện/tiểu phẩm pháp luật.

- Thông tin tham khảo

**Nhạc cắt**

**[Giới thiệu một số quy định cơ bản về Quyền** **tự do tín ngưỡng, tôn giáo]**

**[Lời dẫn]:**

Thưa quý khán thính giả !

Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tự do lựa chọn đức tin và thể hiện đức tin. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật quốc tế ghi nhận trong nhóm quyền dân sự và chính trị thuộc quyền con người và trong pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới như là một trong những quyền tự do cá nhân cơ bản của con người. Tuyên ngôn nhân quyền 1948 của Liên hợp quốc (UDHR) và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, 1966 đã ghi nhận, khẳng định và đề cao yêu cầu bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của cá nhân. Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều ghi nhận và bảo đảm thực hiện quyền này trong hệ thống pháp luật của mình.

Điều 18 UDHR quy định: “Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, niềm tin lương tâm và tôn giáo; quyền này bao gồm cả tự do thay đổi tôn giáo hoặc tín ngưỡng của mình, và tự do bày tỏ tôn giáo hay tín ngưỡng của mình bằng các hình thức truyền giảng, thực hành, thờ cúng và tuân thủ các nghi lễ, theo hình thức cá nhân hay tập thể, tại nơi công cộng hoặc riêng tư”.

Quy định trên sau đó được khẳng định và cụ thể hóa trong các Điều 18 và 20 Công ước quốc tế về Các quyền dân sự, chính trị năm 1966 (ICCPR). Khoản 2 Điều 18 Công ước này quy định: “Không ai phải chịu ép buộc dẫn đến làm tổn hại quyền tự do lựa chọn có hoặc tin theo tôn giáo hay tín ngưỡng của họ”.

Việt Nam là quốc gia đa tôn giáo, gồm cả tôn giáo nội sinh và ngoại nhập. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đã được ghi nhận ngay trong Hiến pháp đầu tiên (1946) và tiếp tục được tái khẳng định trong các bản Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992, 2013 của nước ta, với những quy định càng về sau càng có xu hướng chi tiết hơn. Hiến pháp năm 1992 quy định về Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo: “*Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước*” (Điều 70) và giao trách nhiệm cho Quốc Hội trong việc “*quyết định chính sách tôn giáo của Nhà nước*” (khoản 5 Điều 84), Chính phủ có nhiệm vụ “*thực hiện chính sách tôn giáo*” (khoản 9 Điều 112).

Theo đó, để thể chế hóa quy định của Hiến pháp về quyền tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo của công dân, Ủy ban thường vụ Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam đã ban hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo (thong qua ngày 18/6/2004 và có hiệu lực kể từ ngày 15/11/2004). Để hướng dẫn thi hành Pháp lệnh, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh và Nghị định số 92/NĐ-CP ngày 08/11/2012 thay thế Nghị định số 22/NĐ-CP.

Đây là những văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh trực tiếp hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay cũng như quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ trong việc tổ chức thực hiện các chính sách tôn giáo. Bên cạnh đó, các văn bản pháp luật khác cũng đã có các quy định điều chỉnh các hoạt động liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo tinh thần của Hiến pháp năm 1992 như Bộ luật dân sự, Bộ luật hình sự, Luật đất đai, Luật xây dựng, Luật cư trú, Luật hôn nhân gia đình…

Ở Việt Nam, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được ghi nhận trong Hiến pháp, Bộ luật Dân sự và cụ thể hóa trong Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo và nhiều văn bản pháp luật khác.

Xác định quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một trong những quyền tự do cơ bản của công dân, là nhu cầu quan trọng trong đời sống tinh thần của một bộ phận rất lớn trong nhân dân, ngay từ Hiến pháp năm 1946 – bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đến Hiến pháp năm 1992, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân luôn được ghi nhận và khẳng định.

Điều 70 Hiến pháp năm 1992 quy định:

“*Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.*

*Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ.*

*Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước”*.

Điều 70 Hiến pháp năm 1992 đã khẳng định thái độ, quan điểm đúng đắn của Nhà nước ta về các vấn đề tín ngưỡng và tôn giáo, nêu rõ sự bình đẳng trước pháp luật giữa các tôn giáo và nơi thờ tự của các tín ngưỡng tôn giáo được pháp luật bảo hộ.

Điều 2 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội quy định:

“*Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ mười tám tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội theo quy định của pháp luật*”.

Cùng với việc cấm xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, Hiến pháp cũng quy định cấm việc lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, phá hoại hòa bình, độc lập và sự thống nhất của Tổ quốc, chống lại lợi ích của Nhà nước và nhân dân hoặc lợi dụng quyền đó để có hành vi trục lợi trái pháp luật.

Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp, ngày 18 tháng 6 năm 2004, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI đã ban hành Pháp lệnh số 21/2004/PL-UBTVQH11 về tín ngưỡng, tôn giáo.

Điều 1 Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo quy định:

*“Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.*

*Nhà nước bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy.*

*Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật.*

*Công dân có tín ngưỡng, tôn giáo hoặc không có tín ngưỡng, tôn giáo cũng như công dân có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau phải tôn trọng lẫn nhau”*.

Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo ra đời là một minh chứng rõ ràng khẳng định nguyên tắc nhất quán trong chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta là tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Một mặt Pháp lệnh đã tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi công dân thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; mặt khác đã góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

Hiến pháp năm 2013 đã kế thừa và sửa đổi, bổ sung quy định của Hiến pháp năm 1992 về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo như sau:

**"Điều 24**

1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.

2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật."

Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp quy định: "Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng".

Đây là những sửa đổi, bổ sung rất quan trọng, đặt ra cho việc sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cần phải cụ thể hoá các quy định, nội dung, tinh thần của Hiến pháp, bảo đảm hơn nữa quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người và phù hợp với Công ước quốc tề về quyền dân sự, chính trị.

**Nhạc...**

**[ Câu chuyện pháp luật/ tiểu phẩm]**

**[Lời dẫn]:** Tiếp theo chương trình, mời khán thính giả cùng đến với mục câu chuyện pháp luật.

**Nhạc...**

Tuấn và Hương yêu nhau được 5 năm. Năm nay Tuấn 26 tuổi và Hương 25 tuổi. Cả hai đã có nghề nghiệp, công việc ổn định. Từ lúc yêu nhau đến giờ không có sự cản trở gì từ phía hai gia đình cho đến khi tính đến chuyện kết hôn. Gia đình Tuấn theo truyền thống Phật giáo trong khi Hương lại theo đạo Công giáo. Cả hai đã đến với nhau từ những ngày còn là sinh viên cho đến khi cùng vượt qua những va vấp lúc đi làm. Thỉnh thoảng, Tuấn vào nhà thờ nghe cha xứ giảng đạo và Hương cũng có đến thăm chùa cùng Tuấn. Với Tuấn, dù tôn giáo nào đi chăng nữa cũng đều làm cho con người hướng thiện và sống tốt đẹp hơn.

Tuy nhiên, khi Tuấn thuyết phục ba mẹ được lấy Hương thì gia đình phía Hương lại không đồng ý. Bố mẹ Hương bắt Tuấn phải theo đạo vì đây là truyền thống của gia đình. Gần đây nhất, gia đình Hương đã ngăn không cho cô ấy tiếp tục yêu Tuấn vì sợ càng ngày tình cảm càng lớn dần thì khó dứt ra. Trong hoàn cảnh này, cả Hương và Tuấn đều rất lấy làm khó xử với gia đình đôi bên.

Hiến pháp và pháp luật đã quy định, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền của công dân có thể theo hoặc không theo một tín ngưỡng, tôn giáo nào mà không ai được cưỡng bức hoặc cản trở. Mọi người phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của người khác; không được gây mất đoàn kết, chia rẽ giữa các tôn giáo và giữa những người không có tôn giáo với người có tôn giáo. Tuy nhiên, trước khi đi đến quyết định như thế, cả hai cần phải hiểu rất rõ những vấn đề sẽ gặp phải trong cuộc sống hôn nhân, chẳng hạn việc bắt buộc phải cho con cái theo đạo Thiên Chúa, các quy định về nghi lễ tôn giáo… Bên cạnh đó phải làm sao để gia đình hai bên, họ hàng hiểu rõ những nghi lễ cần thực hiện đối với tôn giáo từng bên – mà đôi khi, các nghi thức đó có thể trái ngược nhau. Điều này cần được thống nhất, được hai bên hiểu rõ trước khi đi đến quyết định cuối cùng. Nếu Tuấn và Hương quyết định đến với nhau mà vẫn đạo ai người đó giữ thì họ cần phải vượt qua nhiều trở ngại từ chính bản thân, gia đình và từ cộng đồng xã hội. Không những thế, họ cần thực sự nỗ lực, hiểu biết về niềm tin của nhau và thuyết phục có tình có lý đối với hai bên gia đình.

|  |
| --- |
| **NHẠC**  **[Lời dẫn]:** Sau đây xin mời quý thính giả cùng lắng nghe một số thông tin liên quan đến chương trình.  **[Giới thiệu Luật tín ngưỡng, tôn giáo mới được Quốc hội thông qua]**  Tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV đã chính thức thông qua dự thảo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo với 417 phiếu tán thành, chiếm 84,58% tổng số đại biểu Quốc hội.  Luật Tín ngưỡng tôn giao gồm 9 chương, 68 điều quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo; tổ chức tôn giáo; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo. Đối tượng áp dụng của Luật là các tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm và thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.  Luật quy định rõ những hành vi bị nghiêm cấm:  Cấm phân biệt đối xử, kỳ thị vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo; ép buộc hoặc cản trở người khác theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo; xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo của người khác; lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để trục lợi; các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo xâm phạm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn công cộng, môi trường, xâm hại đạo đức xã hội, sức khỏe, tính mạng, nhân phẩm, danh dự, tài sản của người khác, cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân…  Thời gian để công nhận tổ chức tôn giáo là 5 năm. Theo đó, các tổ chức tôn giáo sẽ được công nhận khi hoạt động ổn định, liên tục từ đủ 05 năm trở lên kể từ ngày được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.  Luật cũng ghi rõ" Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; bảo đảm để các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật; nhà nước tôn trọng, bảo vệ giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với nước, với cộng đồng đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân; nhà nước bảo hộ cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo và tài sản hợp pháp của cơ sở tín ngưỡng và các tổ chức tôn giáo.  Bên cạnh đó, các quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; hoạt động tín ngưỡng; đăng ký sinh hoạt tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo tập trung; trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận tổ chức tôn giáo … cũng được quy định rất đầy đủ, cụ thể tại Luật Tín ngưỡng tôn giáo.  Luật Tín ngưỡng, tôn giáo sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018. Theo đó, Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo số 21/2004/UBTVQH11 sẽ hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành. |
|  |

**Nhạc…**

**[Lời dẫn]:** Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật hôm nay xin dừng ở đây. Xin cảm ơn quý khán thính giả đã quan tâm theo dõi./.

**CHƯƠNG TRÌNH SỐ 08**

**\*\*\***

**Nhạc hiệu**

**[Lời dẫn]:**

Mời quý khán thính giả nghe chương trình truyền thanh phổ biến, giáo dục pháp luật.

Trong chương trình hôm nay, chúng tôi xin chuyển tới quý vị những nội dung chính sau đây:

- Một số quy định cơ bản về quyền tự do kinh doanh

- Câu chuyện/tiểu phẩm pháp luật.

**Nhạc cắt**

**[Giới thiệu một số quy định cơ bản về quyền tự do kinh doanh]**

**[Lời dẫn]:**

Thưa quý khán thính giả !

Quya quý khán thính giả ! quyền g tôi xin chuyển tới quý vị những nội dung chính sau đây:nh giả đã quan tâm theo dõi./.21/2004/UBTp lý hết sức quan trọng để công dân được hưởng đầy đủ một trong những quyền hết sức cơ bản.

Trong Hi khán thính giả ! quyền g tôi xin ch*Công dân có quy năm 1992, Điyền g tôi xin chuyển tới quý vị nh*”. Đây là l quy năm 1992, Điyền g tôi xin chuyển tới quý v ghi nhận quyền tự do kinh doanh của công dân. Mặc dù còn hạn chế ở phạm vi quyền tự do kinh doanh, các chủ thể chỉ được tự do kinh doanh trong các lĩnh vực mà pháp luật cho phép (tự do trong phạm vi đóng), nhưng so với các quan điểm quản lý kinh tế thời kỳ trước đó, đây vẫn được xem là bước tiến đặc biệt quan trọng trong việc ghi nhận quyền tự do kinh doanh ở Việt Nam.

Hi Đây là l quy năm 1992, Điyền g tôi xin chuyển tới quý v ghi nhận quyền tự do kinh doanh của công dân. Mặc dù còn hạn chế ở phạm vi quyền quan trọng, đó là mọi người có quyền tự do kinh doanh và giới hạn của quyền tự do là những gì luật cấm. Vì vậy, quyền tự do kinh doanh của công dân còn được cụ thể hóa trong các luật, bảo đảm cho mọi công dân được hưởng thực quyền của mình trong lĩnh vực kinh tế.

Quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp được thể hiện cụ thể trong các nội dung sau đây:

- Quyền tự do lựa chọn ngành nghề kinh doanh : chủ đầu tư được chọn kinh doanh các ngành nghề mà pháp luật không cấm, kinh doanh đơn ngành hoặc đa ngành, trong trường hợp những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, chủ đầu tư được phép tiến hành sau khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện đó.

- Quyền tự do lựa chọn mô hình kinh doanh: chủ đầu tư được tự do quyết định mức vốn đầu tư, nhưng phải đáp ứng quy định về vốn pháp định tối thiểu nếu kinh doanh một số ngành nghề nhất định như : kinh doanh vàng, dịch vụ tài chính, dịch vụ bảo vệ…

- Quyền tự do lựa chọn loại hình tổ chức kinh tế: tùy thuộc vào số lượng người đầu tư, phương thức, cách thức huy động vốn đầu tư  mà chủ đầu tư có thể chọn một loại hình tổ chức kinh tế phù hợp để kinh doanh từ đơn giản như hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh đến phức tạp như công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần.

- Quyền tự do lựa chọn hình thức, cách thức huy động vốn: chủ đầu tư quyết dịnh việc tăng vốn vay hay tăng vốn điều lệ; cách thức tăng vốn vay thông qua hợp đồng hay thông qua việc phát hành trái phiếu.

- Quyền tự do hợp đồng: các chủ thể kinh doanh có quyền tự do lựa chọn khách hàng, tự do đàm phán, thỏa thuận, thống nhất các điều khoản của hợp đồng, tự do thỏa thuận hình thức hay nội dung của hợp đồng.

- Quyền tự do lựa chọn hình thức, cách thức giải quyết tranh chấp: các chủ thể kinh doanh có quyền tự do quyết định cách thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng thương lượng, hòa giải, tòa án hay trọng tài.

- Quyền tự do cạnh tranh lành mạnh: nhà đầu tư được pháp luật bảo vệ nếu có hành vi cạnh tranh không lành mạnh làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Đcạnh tranh không lành mạnh làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.ơng mại bằng thương lượng, hòa giải, tòa , tự do thỏa thuận hình thức hay nội dung của hợp đồng.m hữu hạn, công ty cổ phầnbỏ hàng loạt hạn chế, bất cập của quy định cũ, mở rộng các nhóm quyền tự quyết của doanh nghiệp.

Đi hi tranh không lành mạnh làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.ơng mại bằng thương lượng, hòa giải, tòa , tự do thỏa thuận hình thức hay nộ

Quyhi tranh không lành mạnh làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.ơng mại bằng thương lượng, hòa giải, tòa , tự do thỏa thuhi tranh không lành mạnh làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.ơng mại bằng thương lượng, hòa giải, tòa , tự do thỏa thuận hình thức hay nội dung của hợp đồng.m hữu hạn, cà thành viên công ty; Vốn điều lệ.

Ngoài ra, quyhông lành mạnh làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.ơng mại bằng thương lượng, hòa giải, tòa , tự do thỏa thuận hình thức hay nội dung của hợp đồng.m hữu hạn, cà thành viên công ty; Vốn điệm hữu hạn một thành viên), quyền tự do biểu quyết, một doanh nghiệp có nhiều hơn một chức danh giám đốc, quyền được giữ chức danh giám đốc đồng thời cho nhiều doanh nghiệp, quyền tự khắc và quản lý con dấu. Nhà đầu tư nước ngoài có quyền lựa chọn phương thức bảo hộ, giải quyết các tranh chấp đầu tư ngoài hệ thống cơ quan tư pháp tòa án của một quốc gia, như được chọn cơ chế giải quyết theo trọng tài thương mại quốc tế, cơ chế giải quyết tranh chấp bảo hộ đầu tư..

**Nhạc...**

**[ Câu chuyện pháp luật/ tiểu phẩm]**

**[Lời dẫn]:** Tiếp theo chương trình, mời khán thính giả cùng nghe câu chuyện pháp luật/tiểu phẩm***“*Kinh doanh đúng luật”**

**Nhạc...**

[Tiểu phẩm/câu chuyện pháp luật**: *“*Kinh doanh đúng luật”]**

**NHÂN VẬT:**

**Lan – CHỦ QUÁN RƯỢU**

**Nam - CHỦ QUÁN CAFÉ**

**Bích - CHỦ QUÁN KARAOKE**

**Huy - CHỦ VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

**[Lời dẫn]:** Tại quán nước Ven Đô, Lan, Nam, Bích, Huy tụ tập trao đổi chuyện buôn bán với nhau.

**LAN:** Chào hai anh, thông báo cho các anh biết là quán em vừa mới nhập một loại rượu rất ngon, em xin biếu mỗi bác một chai để về thưởng thức.

**NAM:** Ây zà, loại rượu này là ngon đấy ông Huy ạ.

**HUY:** Anh cảm ơn cô nhá!

**[Lời dẫn]:** Cùng lúc đó, tiếng còi cứu thương trên phố kêu lên.

**NAM:** Ôi giời ơi, sáng ngày ra nghe tiếng còi cứu thương mà lạnh hết cả người ông ạ. Đi từ nhà trưởng công an phường ra đấy, kiểu này thì á, không bố thì mẹ, mà không vợ thì con ấy mà.

**[Lời dẫn]:** Đúng lúc ấy, chị Bích – chủ quán Karaoke bước vào, bất ngờ vỗ vai anh Nam, chị Lan đứng bên cũng giật mình theo.

**LAN:** Ối giời, giật hết cả mình, sao mai hôm nay đến muộn thế? Sao hôm á, là đến hơi bị sớm, chắc là hôm qua phu quân lại nợ đúng không?

**BÍCH:** Haiz, nợ cái gì? Nợ cái của nợ ý!

**[Lời dẫn]:** Nói xong, chị Bích ngồi xuống bàn uống nước cùng mọi người.

**BÍCH:** Cái lão tân trưởng công an phường đang làm tôi bực hết cả mình đây, lão chồng con Thảo – chủ cửa hàng tạp hóa ấy, bây giờ tự dưng về phường làm trưởng công an, hăng máu lắm ấy.

**NAM:** Ôi dào,giễu võ dương oai thế thôi nhá, chứ giỏi cũng chỉ dăm bữa nửa tháng là cùng.

**HUY:** Cũng phải công nhận lão này trẻ mà làm được khối việc, mà lại đâu vào đấy, phường, ngõ vào lề vào nếp, chứ không như trước kia.

**NAM:** Lề nếp đâu không cần biết, khó thở bỏ xừ.

**BÍCH:** Thì đấy, quán hát của tôi bây giờ cũng thiếu oxy cấp

**NAM:** Đấy, tuần trước quán tôi mới bị hắn ta nhắc nhở xong.

**HUY:** Cả tuần vừa rồi, tôi phải di tản vật liệu xây dựng còn hơn cả dân phu xây dựng ấy. Vật liệu vừa bày ra, thoắt cái lại phải thu vào, thoắt cái lại phải bày ra. Ai mà dám mua, dám bán, thế mà cứ bảo công dân có quyền tự do kinh doanh, tự do mua bán, có mà tự do nhà các ông bà ấy thì có. Mà nghe nói quán karaoke của chị cũng sắp bị sập à?

**BÍCH:** Cái gì? Sập là sập thế nào? Này nhá, nhận thông báo rồi, gây tiếng ồn xung quanh thì mình sẽ khắc phục, còn việc giữ gìn trật tự công cộng là việc của mấy ông công an. Việc của mình là làm ăn buôn bán, ai cấm được ta kinh doanh đúng pháp luật nào?

**LAN:** Thì ra mấy nhà tư thương đều dính với lão tân trưởng công an phường. Nhưng mà lão ý xử đúng đấy, các vị muốn mở quán café, karaoke, bán vật liệu xây dựng thì ok thôi, pháp luật có cấm đâu, vì đó là quyền của chúng ta mà. Các vị nên nhớ rằng, dù kinh doanh, buôn bán loại hàng nào, lĩnh vực gì thì cũng cần tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, lề đường, lối đi.

**[Lời dẫn]:** Chị Lan vừa nói vừa thở dài.

**HUY:** Đã buôn bán, làm ăn mà còn tỉ tê mấy cái đó có mà lỗ vốn à bà Lan?

**LAN:** Ơ, thế ông Huy ông cứ nghĩ mà xem, ông bày vật liệu xây dựng đầy ra lối đi, lề đường thế, ai có lối đi được, nếu nhà ông bị cản lối ông có bực dọc không? À còn Bích, bà không nghĩ khi con bà đang học bài mà nhà hàng xóm nó mở loa đài hát ầm ĩ lên bà có chịu được không?

**BÍCH:** Thế nhưng mà lão công an phường phạt nặng quá thể đáng.

**HUY:** Ừ, thôi cũng may, họ mới xử phạt hành chính, phạt tiền chứ chưa cấm chúng ta làm ăn kinh doanh là được rồi.

**LAN:** Lần sau mọi người cũng nên rút kinh nghiệm, tránh bị công an phường lập xử lý vi phạm nữa, vô thưởng vô phạt, tạo hình ảnh không hay cho cửa hàng.

**[Lời dẫn]:** Cả nhóm đồng ý với ý kiến của Lan và quyết tâm thực hiện đúng quy định của pháp luật.

**Nhạc…**

**[Lời dẫn]:** Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật hôm nay xin dừng ở đây. Xin cảm ơn quý khán thính giả đã quan tâm theo dõi./.

**CHƯƠNG TRÌNH SỐ 09**

**\*\*\***

**Nhạc hiệu**

**[Lời dẫn]:**

Mời quý khán thính giả nghe chương trình truyền thanh phổ biến, giáo dục pháp luật.

Trong chương trình hôm nay, chúng tôi xin chuyển tới quý vị những nội dung chính sau đây:

- Một số quy định cơ bản về quyền tự do kết hôn

- Câu chuyện/tiểu phẩm pháp luật.

**Nhạc cắt….**

**[Giới thiệu một số quy định cơ bản về quyền tự do kết hôn]**

**[Lời dẫn]:**

Thưa quý khán thính giả !

Kết hôn là việc thanh niên nam, nữ đến tuổi trưởng thành, thống nhất cùng nhau chung sống và xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc.

Quyền tự do kết hôn là một trong những quyền con người cơ bản. Dưới góc độ quyền tự do cơ bản của mỗi cá nhân, Điều 16 Tuyên ngôn nhân quyền 1948 đề cập đến quyền tự do kết hôn, lập gia đình của cá nhân như sau:

“*1. Nam và nữ khi đủ tuổi đều có quyền kết hôn và xây dựng gia đình mà không có bất kỳ sự hạn chế nào về chủng tộc, quốc tịch hay tôn giáo. Nam và nữ có quyền bình đẳng trong việc kết hôn, trong thời gian chung sống và khi ly hôn.*

*2. Việc kết hôn chỉ được tiến hành với sự đồng ý hoàn toàn và tự nguyện của cặp vợ chồng tương lai…*”

Nội dung của Điều 16 Tuyên ngôn nhân quyền 1948 sau đó được tái khẳng định và cụ thể hóa trong Điều 23 Công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị, 1966 quy định như sau:

“1. Gia đình là một tế bào cơ bản và tự nhiên của xã hội, cần phải được nhà nước và xã hội bảo hộ.

2. Quyền kết hôn và lập gia đình của nam và nữ đến tuổi kết hôn phải được thừa nhận.

3. Không được tổ chức việc kết hôn nếu không có sự đồng ý hoàn toàn và tự nguyện của cặp vợ chồng tương lai.

4. Các quốc gia thành viên Công ước phải tiến hành các biện pháp thích hợp để bảo đảm sự bình đẳng về quyền và trách nhiệm của vợ và chồng trong suốt thời gian chung sống và khi ly hôn. Trong trường hợp ly hôn, phải có quy định bảo đảm sự bảo hộ cần thiết với con cái”.

Có thể thấy những nội dung cơ bản của quyền tự do kết hôn ghi nhận trong Điều 16 Tuyên ngôn nhân quyền 1948 và Điều 23 Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị, 1966 gồm:

*Thứ nhất*, khẳng định quyền của nam và nữ đến tuổi kết hôn thì được kết hôn và lập gia đình một cách tự do, tự nguyện. Không được tổ chức việc kết hôn nếu không có sự đồng ý hoàn toàn và tự nguyện của hai bên nam, nữ.

*Thứ hai*, quyền bình đẳng khi kết hôn, nam, nữ khi đủ tuổi đều có quyền kết hôn mà không có bất kỳ sự phân biệt, hạn chế nào về chủng tộc, quốc tịch hay tôn giáo.

*Thứ ba*, quyền bình đẳng giữa vợ và chồng trong thời gian chung sống và khi ly hôn. Tất cả các vấn đề nảy sinh trong đời sống gia đình trong thời gian chung sống, ví dụ như việc lựa chọn nơi cư trú, tổ chức cuộc sống, giáo dục con cái, quản lý tài sản... cũng như các vấn đề thủ tục ly hôn, việc trông nom, chu cấp, nuôi dưỡng, thăm nom con cái khi ly hôn đều phải giải quyết trên cơ sở bình đẳng, không được có bất cứ sự phân biệt đối xử nào giữa vợ và chồng.

Trong pháp luật Việt Nam, quyền tự do kết hôn được ghi nhận trong Hiến pháp, Bộ luật Dân sự và tập trung nhất trong Luật Hôn nhân và gia đình. Theo quy định của Hiến pháp năm 2013 (Điều 36), quyền tự do kết hôn của công dân được khẳng định như sau: “*Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau*”.

Để tạo cơ sở pháp lý giúp công dân thực hiện quyền tự do kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, Nhà nước ban hành Luật Hôn nhân và gia đình; trong đó quy định chế độ hôn nhân và gia đình, quy định trách nhiệm của công dân, của Nhà nước và của xã hội trong việc xây dựng, củng cố chế độ hôn nhân và gia đình. Luật Hôn nhân và gia đình cũng đưa ra các chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của các thành viên trong gia đình nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững.

Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chế độ hôn nhân và gia đình được thiết lập trên những nguyên tắc cơ bản sau:

*“1. Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.*

*2. Hôn nhân giữa công dân Việt Nam thuộc các dân tộc, tôn giáo, giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người có tín ngưỡng với người không có tín ngưỡng, giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.*

*3. Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không phân biệt đối xử giữa các con.*

*4. Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thực hiện các quyền về hôn nhân và gia đình; giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình.*

*5. Kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam về hôn nhân và gia đình.”*

Theo LuậtHôn nhân và gia đình năm 2014, nam nữ được tự do kết hôn trên cơ sở tự nguyện quyết định, bình đẳng. Nam nữ được tự do lựa chọn, tự nguyện, tự quyết định việc kết hôn trên cơ sở bình đẳng trong việc kết hôn, bình đẳng trong quan hệ hôn nhân, quan hệ vợ - chồng.

Tuy nhiên, để quan hệ hôn nhân đó được pháp luật công nhận và bảo hộ việc kết hôn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình về điều kiện kết hôn và nghi thức kết hôn.

**Nhạc...**

**[ Câu chuyện pháp luật/ tiểu phẩm]**

**[Lời dẫn]:** Tiếp theo chương trình, mời khán thính giả cùng đến với chuyên mục câu chuyện pháp luật

**Nhạc...**

Anh T và chị V sau một thời gian tìm hiểu, hai anh chị đã quyết định xin phép gia đình hai bên cho họ kết hôn với nhau. Song do trước đây, bà C là mẹ anh T có mâu thuẫn với gia đình chị V nên bà C cương quyết không cho anh T cưới chị V. Mặc dù bị mẹ ngăn cản nhưng họ vẫn quyết tâm đến với nhau, hai anh chị đã đến Ủy ban nhân dân xã xin đăng ký kết hôn. Bà C biết chuyện đã đến Ủy ban nhân dân nơi hai anh chị đang đăng ký kết hôn, mắng chửi chị V và dọa sẽ chết nếu anh T cương quyết đăng ký kết hôn với chị V.

Nắm bắt sự việc kịp thời, cán bộ hộ tịch, tư pháp xã đã giải thích cho bà C thấy rằng cả T và V đều yêu nhau và kết hôn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, việc cản trở hôn nhân của họ là vi phạm pháp luật. Điều 5 Luật Hôn nhân và gia định nghiêm cấm hành vi: “*Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn*” ... Nếu bà cứ tiếp tục cản trở hôn nhân của anh T thì bà có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Hơn nữa, hạnh phúc của con cái cũng là hạnh phúc của người làm cha làm mẹ. Bố mẹ phải có trách nhiệm chăm lo cho hạnh phúc của con cái. Người xưa vẫn thường có câu “ ép dầu ép mỡ, ai nỡ ép duyên”. V cũng là người hiền lành lại có công việc ổn định, tương lai chắc chắn sẽ là một người vợ đảm, một nàng dâu ngoan. Làm bậc cha mẹ, bà nên tạo điều kiện để con hạnh phúc chứ không nên cấm đoán, cản trở hôn nhân của con chỉ vì mâu thuẫn cá nhân trong quá khứ.

Sau một thời gian, anh T và chị V kiên trì thuyết phục, giải thích, mặc dù chưa thuận hẳn nhưng khi anh T và chị V đi đăng ký kết hôn bà C không ngăn cản nữa.

**Nhạc…**

**[Lời dẫn]:** Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật hôm nay xin dừng ở đây. Xin cảm ơn quý khán thính giả đã quan tâm theo dõi./.

**CHƯƠNG TRÌNH SỐ 10**

**\*\*\***

**Nhạc hiệu**

**[Lời dẫn]:**

Mời quý khán thính giả nghe chương trình truyền thanh phổ biến, giáo dục pháp luật.

Trong chương trình hôm nay, chúng tôi xin chuyển tới quý vị những nội dung chính sau đây:

- Một số quy định cơ bản về Quyền có việc làm và tự do lựa chọn việc làm

- Câu chuyện/tiểu phẩm pháp luật.

**Nhạc cắt**

**[Giới thiệu một số quy định cơ bản về Quyền có việc làm và tự do lựa chọn việc làm]**

**[Lời dẫn]:**

Thưa quý khán thính giả!

Quyền có việc làm và được tự do lựa chọn việc làm, được hưởng thù lao công bằng, hợp lý là một nhóm quyền cơ bản liên quan đến lĩnh vực lao động**,** quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, được đảm bảo điều kiện lao động hợp lý, được trả thù lao hợp lý, được đình công, quyền được nghỉ ngơi…

Điều 23 Tuyên ngôn nhân quyền 1948 quy định:

“*1. Mọi người đều có quyền làm việc, quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, được hưởng những điều kiện làm việc công bằng, thuận lợi và được bảo vệ chống lại nạn thất nghiệp;*

*2. Mọi người đều có quyền được trả công ngang nhau cho những công việc như nhau mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào;*

*3. Mọi người lao động đều có quyền được hưởng chế độ thù lao công bằng và hợp lý nhằm bảo đảm sự tồn tại của bản thân và gia đình xứng đáng với nhân phẩm, và được trợ cấp khi cần thiết bằng các biện pháp bảo trợ xã hội…”*

Cụ thể hóa quyền có việc làm, quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp trong Tuyên ngôn nhân quyền 1948, Điều 6 Công ước quốc tế về những quyền kinh tế, xã hội và văn hóa 1966 (được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua theo Nghị quyết số 2200 ngày 16/12/1996, có hiệu lực ngày 23/3/1976) đã xác định rõ: Mọi người quyền làm việc và cam kết sẽ ban hành những biện pháp để bảo đảm quyền này. Quyền làm việc bao gồm quyền có cơ hội sinh sống nhờ công việc, quyền tự do nhận việc hay lựa chọn việc làm.

Điều 7 Công ước quốc tế về những quyền kinh tế, xã hội và văn hóa 1966 khẳng định về quyền của mọi người được hưởng những điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi, đặc biệt với những bảo đảm:

Thù lao cho tất cả mọi người làm công tối thiểu phải đảm bảo thoả đáng và công bằng, đảm bảo cuộc sống tương đối đầy đủ cho họ và gia đình họ. Tiền lương tương xứng và công bằng cho các công việc có giá trị ngang nhau không phân biệt đối xử. Đặc biệt phụ nữ được bảo đảm có những điều kiện làm việc tương xứng như nam giới, làm việc ngang nhau được trả lương ngang nhau.

Có điều kiện làm việc an toàn và không hại đến sức khoẻ.

Có cơ hội thăng tiến đồng đều cho mọi người và chỉ căn cứ vào thâm niên và khả năng.

Có quyền nghỉ ngơi và giải trí; được ấn định hợp lý số giờ làm việc, kể cả những ngày nghỉ định kỳ có trả lương và những ngày nghỉ lễ có trả lương.

Theo quan điểm đã được đưa ra trong Tuyên ngôn nhân quyền 1948 và Công ước quốc tế về những quyền kinh tế, xã hội và văn hóa 1966, quyền có việc làm được tự do lựa chọn việc làm, được hưởng thù lao công bằng có những nội dung chính sau:

- Mọi người đều có quyền làm việc;

- Mọi người đều có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp;

- Những người làm các công việc như nhau được trả công ngang nhau mà không có sự phân biệt đối xử;

- Mọi người lao động đều được hưởng chế độ thù lao thỏa đáng, công bằng và đảm bảo cuộc sống tương đối đầy đủ cho bản thân và gia đình.

Trong pháp luật Việt Nam, quyền làm việc và tự do lựa chọn việc làm được ghi nhận trong Hiến pháp, Bộ luật Dân sự và Bộ luật Lao động, Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại...

Quyền được có việc làm được Nhà nước ta ghi nhận lần đầu trong Hiến pháp 1959 (Điều 30) và tiếp tục được khẳng định tại Điều 58 của Hiến pháp 1980. Cùng với việc khẳng định quyền được lao động, Hiến pháp còn nhấn mạnh đến nghĩa vụ của mỗi công dân, đó là “*Người có sức lao động phải lao động theo quy định của pháp luật*”. Đồng thời, Hiến pháp 1980 cũng xác định trách nhiệm của Nhà nước trong việc tạo cho nhân dân thực hiện quyền có việc làm của mình “*Nhà nước dựa vào kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa mà tạo thêm việc làm, sắp xếp công việc căn cứ vào năng lực, nguyện vọng cá nhân và yêu cầu của xã hội…*” (Điều 58).

Điều 58 Hiến pháp năm 1980 quy định về quyền có việc làm của công dân như sau:

“… *Công dân có quyền có việc làm. Người lao động phải lao động theo quy định của pháp luật.*

*Nhà nước dựa vào kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa mà tạo thêm việc làm, sắp xếp công việc căn cứ vào năng lực, nguyện vọng của cá nhân và yêu cầu của xã hội, nâng cao trình độ nghề nghiệp, bồi dưỡng sức lao động, không ngừng cải thiện điều kiện làm việc của lao động chân tay và lao động trí ó*c”.

Tiếp đến, quyền lao động tiếp tục được bổ sung ngày càng cụ thể hơn trong Hiếp pháp 1992, Hiến pháp của thời kỳ đổi mới và toàn cầu hóa. Điều 55 Hiến pháp 1992 quy định:

“*Lao động là quyền và nghĩa vụ của công dân. Nhà nước và xã hội có kế hoạch tạo ngày càng nhiều việc làm cho người lao động*”.

Hiến pháp năm 2013 tiếp tục hoàn thiện và quy định đầy đủ về quyền này như sau:

“*Điều 35.*

1. *Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc.*
2. *Người làm công ăn lương, được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi.*
3. *Nghiêm cấm phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, sử dụng nhân công dưới độ tuổi lao động tối thiểu*.”

Quyền lao động là một trong những quyền cơ bản của con người và việc bảo đảm quyền lao động cho công dân là một trong những tiêu chí đánh giá sự tiến bộ của chế độ xã hội.

Để tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho việc thực hiện quyền được lao động của người dân, Nhà nước đã ban hành Bộ luật Lao động cụ thể hóa quyền có việc làm, quyền tự do lựa chọn việc làm và nghề nghiệp của người lao động. Bộ luật Lao động cũng là công cụ pháp lý quan trọng để bảo vệ quyền làm việc, lợi ích và các quyền khác của người lao động, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động, tạo điều kiện cho mối quan hệ lao động được hài hoà và ổn định.

Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định về quyền có làm việc, tự do lựa chọn việc làm, được hưởng thù lao như sau:

“*1. Người lao động có các quyền sau đây:*

*a) Làm việc, tự do lựa chọn việc làm, nghề nghiệp, học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp và không bị phân biệt đối xử;*

*b) Hưởng lương phù hợp với trình độ kỹ năng nghề trên cơ sở thoả thuận với người sử dụng lao động; được bảo hộ lao động, làm việc trong điều kiện bảo đảm về an toàn lao động, vệ sinh lao động; nghỉ theo chế độ, nghỉ hằng năm có lương và được hưởng phúc lợi tập thể;…”*

Người lao động được quyền làm việc cho bất kỳ người sử dụng lao động nào và ở bất kỳ nơi nào mà pháp luật không cấm.

Người lao động được trực tiếp liên hệ với người sử dụng lao động hoặc thông qua tổ chức dịch vụ việc làm để tìm việc làm theo nguyện vọng, khả năng, trình độ nghề nghiệp và sức khoẻ của mình. (Điều 10. Quyền làm việc của người lao động).

Nhà nước có trách nhiệm xác định chỉ tiêu tạo việc làm tăng thêm trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, hằng năm.

Có chính sách bảo hiểm thất nghiệp, các chính sách khuyến khích để người lao động tự tạo việc làm; hỗ trợ người sử dụng lao động sử dụng nhiều lao động nữ, lao động là người khuyết tật, lao động là người dân tộc ít người để giải quyết việc làm.

Đồng thời, Nhà nước cũng đề ra hàng loạt các chương trình kinh tế - xã hội to lớn, đồng bộ với nhiều hoạt động như: Chương trình quốc gia về giải quyết việc làm với những hoạt động: thực hiện quỹ quốc gia tạo việc làm; thành lập các ngân hàng người nghèo; giao quyền sử dụng ruộng đất để khuyến khích trồng rừng, chương trình hỗ trợ đánh bắt xa bờ...

Bên cạnh đó, để khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh để tạo việc làm cho người lao động, Nhà nước cũng ban hành một hệ thống các chủ trương, chính sách thông thoáng thu hút sự đầu tư của nhiều doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nước ngoài, nhằm tạo ngày càng nhiều việc làm cho người lao động, tạo điều kiện cho những người trong độ tuổi lao động đều có thể thực hiện quyền lao động của mình. Các công ty xuyên quốc gia, các công ty liên doanh xuất hiện ngày càng nhiều ở Việt Nam, giải quyết việc làm cho hàng triệu người lao động, giúp người lao động có thu nhập ổn định cuộc sống cho bản thân và đóng góp công sức cho sự phát triển kinh tế đất nước…

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Bộ luật Lao động cũng đưa ra các quy định về hợp đồng lao động, hình thức hợp đồng lao động, nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động, nghĩa vụ, trách nhiệm của người sử dụng lao động và phương thức giải quyết tranh chấp lao động…

Điều 194 Bộ luật Lao động quy định về nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động như sau:

“*1. Tôn trọng, bảo đảm để các bên tự thương lượng, quyết định trong giải quyết tranh chấp lao động.*

*2. Bảo đảm thực hiện hoà giải, trọng tài trên cơ sở tôn trọng quyền và lợi ích của hai bên tranh chấp, tôn trọng lợi ích chung của xã hội, không trái pháp luật.*

*3. Công khai, minh bạch, khách quan, kịp thời, nhanh chóng và đúng pháp luật.*

*4. Bảo đảm sự tham gia của đại diện các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp lao động.*

*5. Việc giải quyết tranh chấp lao động trước hết phải được hai bên trực tiếp thương lượng nhằm giải quyết hài hòa lợi ích của hai bên tranh chấp, ổn định sản xuất, kinh doanh, bảo đảm trật tự và an toàn xã hội…*”.

**Nhạc...**

**[ Câu chuyện pháp luật/ tiểu phẩm]**

**[Lời dẫn]:** Tiếp theo chương trình, mời khán thính giả cùng nghe câu chuyện pháp luật/tiểu phẩm***“*Giờ giải lao của công nhân”**

**Nhạc...**

**Tiểu phẩm/câu chuyện pháp luật: *“*Giờ giải lao của công nhân”**

**NHÂN VẬT:**

**HƯƠNG: Quản lý công ty X**

**THỦY: Công nhân**

**VÂN: Công nhân**

**TRANG: Công nhân**

**THÚY: Công nhân**

**[Lời dẫn]:** Tại Công ty X, quản lý Hương

**QUẢN LÝ HƯƠNG:**  Sao thiếu thiếu thế nào ấy nhỉ?

**[Lời dẫn]:** Lúc này Thủy mới đến công ty.

**QUẢN LÝ HƯƠNG**: Cô Thủy hôm nay đến muộn nhé!

**THỦY**: Em đang chạy xe thì cái xe ô tô ở đâu chạy lao đến đâm đuôi xe em, thế là em ngã rầm xuống.

**QUẢN LÝ HƯƠNG**: Chị không biết, đi đứng là việc của em. Thế em có biết là em đi làm muộn không?

**THỦY**: Dạ, chị không thấy là chân em máu vẫn chảy đây ạ?

**QUẢN LÝ HƯƠNG:** Chị chỉ thực hiện theo đúng nội quy, quy chế của công ty thôi, em đi muộn thì phải nộp tiền.

**[Lời dẫn]:** Mặc dù chân vẫn đau, nhưng Thủy vẫn cố gắng sát lại gần người quản lý công ty để hỏi rõ.

**THỦY;** Em phải nộp bao nhiêu tiền hả chị?

**QUẢN LÝ HƯƠNG:** Em đi muộn 5 phút, nộp 20.000 đồng. Em nộp nhanh rồi vào làm việc ngay đi.

**[Lời dẫn]:** Thủy nhanh chóng rút tiền ra nộp và lại tập tễnh vào xưởng làm việc. Vừa lúc đó, Trang và các công nhân khác từ xưởng làm việc giải lao đi vệ sinh cá nhân qua quầy quản lý công ty.

**TRANG:** Em chào chị Hương ạ!

**QUẢN LÝ HƯƠNG:** Trang ơi, sao từ sáng đến giờ chị thấy em chỉ đi vệ sinh thôi thế, em có làm việc nghiêm túc không hay để chị tích giờ trừ tiền làm của em nhé!

**TRANG:** Dạ, chị ơi, em mới đi một lần từ sáng giờ mà chị.

**QUẢN LÝ HƯƠNG:** Các em làm chú ý đấy, nếu không đủ sản lượng tháng này chị không trả lương đâu đấy.

**TRANG:** Chị Hương ơi, chúng em cần giải quyết nhu cầu cá nhân thì mới tập trung sản xuất, làm việc được, ấy vậy mà chị cứ hạn chế chúng em thôi.

**QUẢN LÝ HƯƠNG:** Em ơi, đây đang là giờ làm việc em ạ, chúng tôi thuê các em về là để làm việc chứ không phải cứ đi lại trong công ty hoài như vậy được.

**VÂN:** Chị nói đúng, chúng em hợp đồng vào đây để làm việc và nhận lương, nhưng điều đó không có nghĩa là chúng em mất hết các quyền cá nhân của mình được, tối thiểu và đơn giản là quyền đi vệ sinh.

**THÚY:** Em vừa còn thấy chị bắt em Thủy nộp tiền phạt vì đi muộn giờ làm 5 phút phải không chị? Nhưng chị cũng biết là do em ấy bị tai nạn giao thông nên mới đến muộn mà. Chúng em làm thuê cho chị nhưng việc làm và lựa chọn việc làm là quyền của mỗi công dân chúng em. Hiến pháp và luật lao động đã quy định rồi. Nếu công ty không bảo đảm được quyền lợi của người lao động, chúng em sẵn sàng xin nghỉ việc để tìm việc làm khác phù hợp hơn.

**QUẢN LÝ HƯƠNG:** Chị biết như thế, và chị cũng không có ý gây khó cho các em, nhưng Giám đốc công ty đã yêu cầu thế rồi, các em cũng phải nghiêm chỉnh chấp hành. Nói vậy thôi, các em cứ làm việc bình thường đi.

**VÂN:** Ờ, vậy thì chị thả lỏng cho bọn em đi giải lao đi vệ sinh đi nha chị, làm việc ngồi một chỗ cả ngày rồi cũng mỏi tay, ảnh hưởng đến năng suất sản phẩm lắm ạ.

**QUẢN LÝ HƯƠNG:** Ok em thôi. Nhưng nhớ là nhanh chóng trở lại làm việc nhé, giám đốc mà thấy là không hay đâu. Còn chuyện nộp tiền đi làm muộn, chị cũng sẽ đóng góp ý kiến với sếp sau.

[Các công nhân lại trở lại công việc của mình tại xưởng làm việc…]

**Nhạc…**

**[Lời dẫn]:** Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật hôm nay xin dừng ở đây. Xin cảm ơn quý khán thính giả đã quan tâm theo dõi./.